BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

11



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN MINH ĐOAN – TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HỒI

Chuyên đề học tập

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

(Tái bản lần thứ ba)

11

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi hoạt động trong sách *Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11* đều được chỉ dẫn bằng một kí hiệu. Thầy cô sẽ hướng dẫn các em học theo những chỉ dẫn này. Các em cũng có thể theo các kí hiệu chỉ dẫn để tự học.

MỞ ĐẦU

Giới thiệu nội dung, kết nối để dẫn vào bài mới.

KHÁM PHÁ

Hình thành kiến thức mới, kĩ năng mới nhằm trả lời các câu hỏi: Là gì? Biểu hiện như thế nào? Làm thế nào? Ý nghĩa?

LUYỆN TẬP

Củng cố tri thức, kĩ năng đã được khám phá.

VẬN DỤNG

Vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.



Để các chuyên đề giáo dục kinh tế và pháp luật thực sự có ích, các em hãy thường xuyên vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hằng ngày.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Lời nói đầu

Các em học sinh yêu quý!

Trong các môn học và hoạt động giáo dục, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành ý thức và hành vi của người công dân, góp phần bồi dưỡng cho các em những phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi, đặc biệt là nhận thức, tình cảm, niềm tin, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật; có kĩ năng sống, bản lĩnh để học tập, làm việc, sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Ở cấp Trung học phổ thông, môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của các em. Các em có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật,... được chọn học một số chuyên đề học tập nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của các em.

Sách giáo khoa *Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11* được biên soạn phù hợp với phương pháp giáo dục, dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh. Sách gồm 3 chuyên đề:

– Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên;

– Một số vấn đề về pháp luật dân sự;

– Một số vấn đề về pháp luật lao động.

Nội dung các bài học trong sách là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau Trung học phổ thông, được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kĩ năng sống, giúp các em có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Cuốn sách sẽ là người bạn tin cậy, đồng hành cùng các em trong việc phát triển những phẩm chất, năng lực của người công dân chân chính.

Chúc các em có những giờ học vui và bổ ích!

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

CHUYÊN ĐỀ 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN 5

Bài 1: Tác động tiêu cực và nguyên nhân phát sinh tác động của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên 5

Bài 2: Sự cần thiết và biện pháp giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên 15

CHUYÊN ĐỀ 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ 22

Bài 3: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự 22

Bài 4: Một số chế định của pháp luật dân sự về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự 26

Bài 5: Một số chế định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản 33

Bài 6: Một số chế định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ 42

CHUYÊN ĐỀ 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG 48

Bài 7: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động 48

Bài 8: Một số quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội 54

Bài 9: Một số quy định của pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động 66

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH 71

DANH SÁCH TRANH ẢNH SỬ DỤNG 71

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chuyên đề 1

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Bài 1: Tác động tiêu cực và nguyên nhân phát sinh tác động của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.*
- *Xác định được nguyên nhân phát sinh những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.*

MỞ ĐẦU

Phát triển kinh tế góp phần nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy xã hội phát triển nhưng cũng tạo ra áp lực lớn đối với môi trường: gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, suy kiệt tài nguyên, suy giảm đa dạng sinh học,... Nhận thức được những tác động tiêu cực đồng thời xác định được nguyên nhân dẫn đến những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên giúp chúng ta có cơ sở để đưa ra những chính sách, biện pháp nhằm khắc phục và hạn chế những tác động tiêu cực này, góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên.

Em hãy quan sát các hình ảnh sau để trả lời câu hỏi:


1


2

1/ Nội dung các hình ảnh trên phản ánh tình trạng tài nguyên thiên nhiên nước ta đang bị khai thác như thế nào?

2/ Theo em, tình trạng đó có ảnh hưởng thế nào đến môi trường tự nhiên?

KHÁM PHÁ

1. Tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

a) Ô nhiễm môi trường

Em hãy quan sát các hình ảnh và đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:


1


2


3


4

Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ một số hạn chế, bất cập trong công tác bảo vệ môi trường, làm cho kinh tế ở Việt Nam thời gian qua chưa thực sự phát triển bền vững. Cụ thể: Việc xử lí, khắc phục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ở một số khu vực, lĩnh vực chưa triệt để, dẫn tới chất lượng môi trường sống của người dân chưa cao; chất lượng không khí ở các đô thị có dấu hiệu suy giảm; ô nhiễm môi trường vẫn diễn ra khá phổ biến ở một số khu công nghiệp, làng nghề; "Chưa có cơ chế thúc đẩy việc giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải một cách hiệu quả" trong khi Việt Nam là quốc gia đang phát triển, lượng rác thải nhựa, rác thải điện tử, rác thải xây dựng và rác thải nguy hại đang tăng rất nhanh. Chỉ tính riêng rác thải nhựa, Việt Nam đứng thứ tư thế giới với hơn 1,8 triệu tấn/năm.

(Theo Lê Thị Thanh Hà, *Bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng,* Tạp chí Cộng sản, ngày 10 – 3 – 2022)

1/ Nội dung các hình ảnh và thông tin phản ánh tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta dưới tác động của phát triển kinh tế như thế nào?

2/ Em hãy nêu ví dụ về tình trạng ô nhiễm môi trường do tác động của phát triển kinh tế trong thực tiễn.

Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, con người đã và đang gây ô nhiễm môi trường tự nhiên ở nhiều nơi: làm biến đổi chất lượng nước, khiến các tính chất lí hoá học và điều kiện vi sinh của nước thay đổi; đất đai tồn đọng nhiều chất thải độc hại; môi trường không khí có sự thay đổi lớn trong thành phần không khí, khói, bụi, hơi hay các khí lạ đưa vào không khí gây nên các mùi lạ, làm giảm tầm nhìn; nồng độ các chất gây ô nhiễm trong nước biển, tích tụ trong trầm tích biển vùng ven bờ như: dầu, kim loại nặng, các hoá chất độc hại,... ngày càng gia tăng,...

b) Suy thoái môi trường

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

1. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hiện đang diễn ra tình trạng suy giảm, cạn kiệt gây hạ thấp mực nước tại một số lưu vực sông, nhất là ở hạ lưu các sông (như: sông Hồng – Thái Bình, sông Cả, hạ lưu sông Vu Gia, Trà Khúc).

   Số liệu quan trắc mực nước những năm gần đây cho thấy, mức độ hạ thấp lòng dẫn sông Hồng đang ngày càng nghiêm trọng. Mực nước trên sông Hồng tại trạm thuỷ văn Sơn Tây liên tục giảm từ năm 2000 đến năm 2020 với tốc độ giảm trung bình 0,12 m/năm, tại trạm Hà Nội giảm trung bình 0,21 m/năm. Việc hạ thấp mực nước trên sông làm ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình khai thác sử dụng nước dọc sông, nhất là việc lấy nước của hệ thống các công trình thuỷ lợi.

   (Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2016 – 2021*)

2. Chất lượng môi trường đất ở Việt Nam hiện khá tốt, tuy nhiên môi trường đất nông nghiệp xung quanh khu vực có hoạt động công nghiệp tập trung hay các vùng chuyên canh nông nghiệp đã có dấu hiệu bị suy giảm. Các vấn đề này cùng những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan gây mặn hoá, phèn hoá đất ở nhiều khu vực, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long; gây xói lở, rửa trôi đất tại các khu vực trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên; gây khô hạn và sa mạc hoá ở khu vực miền Trung;...

   (Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường,
   Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, NXB Dân trí, năm 2021)

1/ Các thông tin cho thấy sự suy giảm về số lượng và chất lượng các thành phần của môi trường ở nước ta như thế nào?

2/ Em hãy nêu thêm ví dụ về sự suy thoái môi trường khác do tác động của phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay.

Suy thoái môi trường là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của thành phần môi trường với nhiều cấp độ khác nhau, thể hiện ở mức độ giảm sút về chất lượng của thành phần môi trường đó hay số lượng các thành phần môi trường bị khai thác, bị tiêu huỷ so với trữ lượng của nó, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống con người và sinh vật.

Dưới tác động của phát triển kinh tế, môi trường đất nông nghiệp có dấu hiệu suy giảm về chất lượng như: bạc màu, chua, chai cứng, mặn hoá, phèn hoá, khô hạn và sa mạc hoá đất cũng như suy giảm về số lượng diện tích đất canh tác, đất rừng. Môi trường nước cũng bị suy giảm: trữ lượng nguồn nước bề mặt và nước ngầm đều giảm sút cùng với chất lượng nước cũng bị thay đổi các thành phần vật lí, hoá học.

Ngoài ra, hệ sinh thái và sinh cảnh biển quan trọng như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển cũng bị suy thoái nghiêm trọng, thậm chí bị tàn phá bởi các hoạt động đánh, bắt thuỷ sản bằng các hình thức huỷ diệt,...

c) Suy giảm tài nguyên thiên nhiên

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Sản lượng khai thác tài nguyên quan trọng ở Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020:

Sản phẩm	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
Than sạch	nghìn tấn	38 735	38 409	42 384	46 387	78 377
Dầu thô	nghìn tấn	17 230	15 518	13 969	13 090	11 470
Đá khai thác	nghìn m^3	172,9	167	162,4	160,4	163,2
Quặng apatit	nghìn tấn	3 142,5	4 588	4 332,2	4 651,6	4 389,5

(Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, NXB Dân trí, năm 2021)

❷ Công bố hiện trạng tài nguyên rừng năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy: Diện tích đất có rừng bao gồm cả rừng trồng chưa khép tán là 14 745 201 ha, trong đó:

- Diện tích rừng tự nhiên: 10 171 757 ha, giảm 107 428 ha so với năm 2020.
- Diện tích rừng trồng là 4 573 444 ha, tăng 175 414 ha so với năm 2020.
- Diện tích đất có rừng đủ tiêu chuẩn để tính tỉ lệ che phủ toàn quốc là 13 923 108 ha, tỉ lệ che phủ là 42,02% (năm 2020 là 42,01%).

(Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020 và năm 2021*)

1/ Các thông tin trên phản ánh những tác động của phát triển kinh tế đến việc làm suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nước ta như thế nào?

2/ Em hãy nêu những tác động tiêu cực khác của phát triển kinh tế dẫn đến suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nước ta hiện nay.

Suy giảm tài nguyên thiên nhiên là sự suy giảm về số lượng, chất lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà không thể hồi phục lại, giảm sức tải của môi trường, khiến môi trường mất đi một phần chức năng hỗ trợ sự sống, việc cung cấp nguồn lực của môi trường giảm sút, tạo nên những giới hạn cho sản xuất và tiêu dùng.

Tài nguyên rừng bị thu hẹp, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển đổi sang đất nông, công nghiệp.

Lượng khai thác khoáng sản ngày càng gia tăng trong quá trình công nghiệp hoá trong khi đây là tài nguyên không tái tạo nên trữ lượng khoáng sản cũng dần bị cạn kiệt.

Tài nguyên nước cũng đang bị suy giảm do nạn ô nhiễm gây thiếu nước trầm trọng. Tài nguyên đất cũng đang bị suy giảm do bị nhiễm mặn, sa mạc hoá, phèn hoá,... ngày càng tăng...

d) Suy giảm đa dạng sinh học

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

1. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các hệ sinh thái biển đang bị khai thác quá mức, thiếu tính bền vững dẫn đến tình trạng suy giảm đa dạng sinh học. Đến nay đã ghi nhận khoảng 100 loài sinh vật biển nước ta có nguy cơ bị đe doạ và quý hiếm đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam và Danh mục đỏ của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế để yêu cầu phải có biện pháp bảo vệ. Kết quả nghiên cứu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc và một số tổ chức quốc tế khác trong những năm gần đây đều chỉ ra rằng khoảng hơn 80% lượng cá trên các vùng biển ven bờ và ngoài khơi của Việt Nam đã bị khai thác, trong đó có đến 25% lượng cá bị khai thác quá mức hoặc khai thác cạn kiệt; sản lượng đánh bắt giảm đáng kể; nhiều loài sinh vật biển khác đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng.

(Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 (tổng quan)*)

❷ Việt Nam được xếp là quốc gia đa dạng sinh học cao trên thế giới với 49 200 loài động vật. Tuy nhiên, một số loài, sản phẩm của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ như tê tê, gấu; sừng tê giác, ngà voi,... đang trở thành hàng hoá được tiêu thụ trong nước và vận chuyển xuyên biên giới. Nhiều loài động vật hoang dã đang đứng trước nguy cơ hoặc bên bờ tuyệt chủng bởi nạn khai thác, tiêu thụ động vật hoang dã bất hợp pháp như tê giác Java, bò xám, hổ, linh trưởng,...

(Theo Khánh Huy, *Chống buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã*, Báo Nhân dân, ngày 26 – 4 – 2020)

?

1/ Các thông tin trên cho thấy phát triển kinh tế đang dẫn đến sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta như thế nào?

2/ Em hãy nêu thêm ví dụ về sự suy giảm đa dạng sinh học khác do tác động của phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay.

Đa dạng sinh học ở Việt Nam đang phải đối diện với nhiều thách thức. Việc khai thác tận diệt các cây thuốc quý, cây có giá trị kinh tế cao làm suy giảm tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái tự nhiên và nơi cư trú của các loài bị chia cắt và suy thoái. Nạn cháy rừng, xâm hại của sinh vật ngoại lai làm suy giảm nhiều loài thực vật, động vật. Danh sách đỏ các động vật quý hiếm sắp tuyệt chủng ngày càng gia tăng.

e) Biến đổi khí hậu

Em hãy quan sát hình ảnh và đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:



Biến đổi khí hậu với sự nóng lên toàn cầu và mực nước biển dâng là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỉ XXI. Thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan khác đang gia tăng ở hầu hết các nơi trên thế giới, nhiệt độ và mực nước biển trung bình toàn cầu tiếp tục tăng nhanh chưa từng có và đang là mối lo ngại của các quốc gia. Ở Việt Nam, trong khoảng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình năm đã tăng khoảng 0,7°C, mực nước biển đã dâng khoảng 20 cm. Hiện tượng El-Nino, La-Nina ngày càng tác động mạnh mẽ; thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán ngày càng ác liệt. Theo tính toán, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam có thể tăng lên 3°C và mực nước biển có thể dâng 1 m vào năm 2100.

Nếu mực nước biển dâng 1 m, khoảng 40 000 km² đồng bằng ven biển Việt Nam sẽ bị ngập hằng năm, trong đó 90% diện tích thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long bị ngập hầu như hoàn toàn. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam là một trong 5 nước sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trong đó vùng đồng bằng sông Hồng và sông Mê Công bị ngập chìm nặng nhất.

(Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*, tháng 7 – 2008)

1/ Thông tin và hình ảnh trên cho thấy thực trạng biến đổi khí hậu đang tác động tiêu cực đến đời sống xã hội như thế nào?

2/ Em hãy nêu những tác động khác của biến đổi khí hậu đến đời sống xã hội.

Trong quá trình phát triển kinh tế, hàng loạt nhà máy xả khí thải, chất thải trực tiếp ra môi trường, khói bụi của xe cộ thải phần lớn khí CO_2 ngày càng dày đặc trong khí quyển nhưng không còn đủ cây xanh để hấp thụ do rừng bị tàn phá, các hiệu ứng nhà kính làm thủng tầng ô dôn đang là các tác nhân làm biến đổi khí hậu ngày càng nặng nề, tác động nghiêm trọng đến đời sống con người.

2. Nguyên nhân phát sinh tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

a) Áp lực từ gia tăng dân số và đô thị hoá

Em hãy dựa vào các thông tin, số liệu sau để trả lời câu hỏi:

Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết:

– Tính đến năm 2020, Việt Nam có 862 đô thị, tăng thêm 60 đô thị so với năm 2016. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng dân số Việt Nam đến năm 2020 là 97,58 triệu người, trong đó dân số đô thị chiếm khoảng 37%. Dự báo, tỉ lệ đô thị hoá của Việt Nam sẽ đạt khoảng 45% vào năm 2026, số dân cư sinh sống tại đô thị khoảng hơn 45 triệu người.

– Môi trường nước mặt ở một số thành phố lớn bị ô nhiễm do các hoạt động phát triển đô thị, công nghiệp hoá. Hệ thống thoát nước tại các đô thị chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu thoát nước, nhiều hệ thống thoát nước không đồng bộ với hệ thống xử lí nước thải tập trung, dẫn đến hiệu quả xử lí thấp. Chỉ có khoảng 15% nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lí (chủ yếu ở các đô thị lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,...).

Em hãy cho biết việc gia tăng dân số cùng quá trình đô thị hoá đã gây sức ép dẫn đến những tác động tiêu cực đối với môi trường như thế nào.

b) Trình độ công nghệ khai thác tài nguyên và xử lí chất thải thấp

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Một trong những nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm, suy giảm môi trường, tài nguyên thiên nhiên là việc khai thác tài nguyên thiếu bền vững, hiệu quả quản lí, sử dụng chưa cao. Vẫn còn tình trạng xuất khẩu tài nguyên ở dạng thô (các loại quặng, dầu thô, than,...) với giá rất rẻ nhưng sau đó phải nhập khẩu nguyên, nhiên liệu, như điện, xăng, dầu,... với giá cao để phục vụ sản xuất. Bên cạnh đó, ở nhiều nơi, khai thác khoáng sản chưa theo quy hoạch, kế hoạch và khai thác trái phép vẫn diễn ra với công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, thậm chí trở thành những "điểm nóng" về môi trường. Tình trạng nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu, nguyên vật liệu không đạt chuẩn về môi trường chậm được khắc phục.

(Theo Lê Thị Thanh Hà, *Bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng*, Tạp chí Cộng sản, ngày 10 – 3 – 2022)

❷ Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cả nước hiện có 4 575 làng nghề, trong đó có 1 951 làng nghề được công nhận.

Nước thải từ làng nghề thường thải trực tiếp ra hệ thống kênh rạch chung, tác động xấu tới cảnh quan, ô nhiễm môi trường. Nhiều làng nghề có lưu lượng nước thải lớn, xả ra các kênh mương vốn làm nhiệm vụ tiêu thoát nước mưa, dẫn đến nước thải không lưu thông, gây ô nhiễm môi trường trầm trọng.

Nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí tại các làng nghề chủ yếu từ việc sử dụng than làm nhiên liệu (phổ biến là than chất lượng thấp), sử dụng hoá chất trong dây chuyền công nghệ sản xuất. Trong đó nhóm làng nghề có thải lượng ô nhiễm lớn nhất là tái chế (kim loại, nhựa), quá trình tái chế và gia công, xử lí bề mặt, phun sơn, đánh bóng bề mặt sản phẩm, nung, sấy, tẩy trắng, khí thải lò rèn,... làm phát sinh bụi và các khí thải như SO_2, NO_2, hơi axit và kiềm. Tại các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm, quá trình phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải và chất thải rắn gây ô nhiễm mùi, tạo nên các khí ô nhiễm,...

(Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, NXB Dân trí, năm 2021)

? *1/ Những thông tin trên cho thấy trình độ công nghệ khai thác tài nguyên và xử lí chất thải thấp đã tác động đến môi trường nước ta như thế nào?*

2/ Em hãy nêu những tác động tiêu cực khác xuất phát từ trình độ công nghệ khai thác tài nguyên và xử lí chất thải.

c) Gia tăng nhu cầu tiêu dùng và ý thức của các chủ thể kinh tế

Em hãy quan sát các hình ảnh và đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:





❶ Đi kèm với tốc độ đô thị hoá cao và việc gia tăng dân số cơ học tại các đô thị là sự gia tăng nhanh chóng số lượng phương tiện giao thông cơ giới. Theo số liệu từ Cục Đăng kiểm Việt Nam, tính đến hết năm 2020, trên cả nước có 4 180 478 xe ô tô và hàng chục triệu xe mô tô, xe máy đang lưu hành. Các phương tiện giao thông cơ giới sử dụng nhiên liệu là xăng và dầu diesel làm phát sinh nhiều chất ô nhiễm không khí như CO, chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), SO_2, bụi,... Hiện nay, sự gia tăng các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đặc biệt là ô tô, xe máy cùng với chất lượng các tuyến đường chưa đáp ứng nhu cầu, chất lượng nhiên liệu sử dụng thấp là những nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường không khí.

(Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020*, NXB Dân trí, năm 2021)

❷ Môi trường sống ngày càng ô nhiễm một phần bởi ý thức của con người. Việc thu gom, phân loại, xử lí rác thải sinh hoạt hằng ngày ở nhiều nơi không đúng quy định. Vẫn còn tình trạng vứt rác thải bừa bãi và hình thành nhiều điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nhiều khu trang trại, khu chăn nuôi, khu công nghiệp xả trực tiếp nguồn nước thải, các chất tẩy rửa và rác thải nông, công nghiệp không qua xử lí đổ ra ao, hồ, kênh, mương, sông tạo ra những dòng chảy màu đen với những mùi khó chịu, độc hại ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người, gây ô nhiễm đất và ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng. Việc sử dụng tràn lan hoá chất bảo vệ thực vật, như lạm dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu được người dân sử dụng không theo quy định, không có sự quản lí chặt chẽ, không chỉ tạo ra những nông sản không bảo đảm chất lượng an toàn vệ sinh, gây hại cho sức khoẻ người sử dụng mà còn làm ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước ngầm và nước mặt nơi sản xuất.

(Theo Ngọc Hân, *Nâng cao ý thức, trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ môi trường*, Tạp chí Cộng sản, ngày 20 – 7 – 2020)

?

1/ Sự gia tăng nhu cầu sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đã tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào? Em hãy kể thêm sự gia tăng những nhu cầu tiêu dùng khác có tác động tiêu cực đến môi trường.

2/ Những hình ảnh, thông tin trên cho thấy ý thức và việc làm của người dân đã tác động tiêu cực đến môi trường như thế nào? Em hãy nêu những tác động tiêu cực khác xuất phát từ ý thức và việc làm của người dân đến môi trường nước ta hiện nay.

Những biến đổi tiêu cực của môi trường có nguyên nhân chủ yếu từ những sức ép của sự phát triển kinh tế tạo nên. Dân số tăng, đô thị hoá cao kéo theo tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng, lượng chất thải rắn tăng trên diện rộng, lượng phương tiện giao thông cơ giới gia tăng,... Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp còn dựa nhiều vào tài nguyên thiên nhiên. Trình độ công nghệ khai thác và xử lí chất thải thấp cùng với sự gia tăng tiêu dùng và ý thức bảo vệ môi trường của các chủ thể kinh tế chưa cao tất yếu dẫn đến mức tiêu thụ nguyên liệu, năng lượng nhiều hơn, thải ra nhiều chất thải làm ô nhiễm, suy thoái môi trường, suy giảm tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Biến đổi khí hậu có nguyên nhân chủ yếu từ sự phát triển kinh tế ở các nước phát triển.

b. Những tài nguyên thiên nhiên con người khai thác, sử dụng theo năm tháng sẽ được thiên nhiên tái tạo.

c. Các nước chậm phát triển phải gánh chịu hậu quả nặng nề của biến đổi khí hậu.

2. Em hãy cho biết các hoạt động kinh tế dưới đây có ảnh hưởng như thế nào đến môi trường tự nhiên. Vì sao?

a. Tăng cường bón phân, thâm canh, tăng năng suất cây trồng.

b. Siêu thị T thực hiện gói các sản phẩm rau quả bằng lá chuối và túi giấy tái chế.

c. Tập đoàn V quyết định thay đổi chiến lược kinh doanh, chuyển từ sản xuất ô tô chạy bằng xăng sang ô tô chạy bằng điện.

d. Một số gia đình đã đầu tư lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái nhà.

3. Xác định nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm, suy thoái môi trường do tác động của phát triển kinh tế.

Em hãy sử dụng sơ đồ tư duy để mô tả những tác nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất, môi trường không khí xuất phát từ việc phát triển kinh tế.

VẬN DỤNG

Em hãy viết bài nói về nguyên nhân dẫn đến những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến tài nguyên rừng ở nước ta và những bài học rút ra.

Bài 2: Sự cần thiết và biện pháp giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

Yêu cầu cần đạt:

- *Giải thích được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.*
- *Thực hiện được bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.*
- *Đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.*

MỞ ĐẦU

Những biến đổi tiêu cực của môi trường dưới tác động của phát triển kinh tế đã và đang gây ra những hậu quả to lớn đối với đời sống xã hội, trở thành nguy cơ cản trở mục tiêu phát triển bền vững, đòi hỏi cần có những hành động mạnh mẽ, chung tay bảo vệ môi trường của tất cả chúng ta.

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Liên hợp quốc chọn ngày 21 – 3 hằng năm là ngày Quốc tế về Rừng. Chủ đề ngày Quốc tế về Rừng năm 2021 là: "Khôi phục rừng: con đường dẫn tới khôi phục kinh tế và hạnh phúc".

Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về chủ đề này.

KHÁM PHÁ

1. Sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Báo cáo Gánh nặng Bệnh tật Toàn cầu (IMHE, 2017) đã chỉ ra các yếu tố nguy cơ gây tử vong và tàn tật tại Việt Nam, trong đó ô nhiễm môi trường không khí đứng thứ 6, tăng 1 bậc so với năm 2007, đứng sau các nguyên nhân như cao huyết áp, đường huyết, hút thuốc và sử dụng rượu bia. Năm 2019, ô nhiễm không khí đã tăng thêm 1 bậc lên thứ 5 trong bảng xếp hạng về nguy cơ gây tử vong và bệnh tật tại Việt Nam (IMHE, 2019).

Ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm bụi mịn, đang trở thành vấn đề của các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Việc phơi nhiễm với hàm lượng bụi cao trong không khí làm tăng nguy cơ mắc các bệnh như: nhiễm khuẩn cấp tính đường hô hấp dưới, đột quỵ, đau tim, bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính và ung thư phổi,...

Ngoài ra, người lao động trong một số ngành công nghiệp như khai khoáng, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng thường có nguy cơ mắc các bệnh nghề nghiệp như: bụi phổi, bệnh điếc,...

Ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến sức khoẻ con người có thể thông qua con đường uống phải nước bị ô nhiễm hay ăn các loại rau quả, thuỷ hải sản được nuôi trồng trong nước bị ô nhiễm và tiếp xúc với môi trường nước bị ô nhiễm trong quá trình sinh hoạt và lao động. Một số bệnh điển hình liên quan đến nguồn nước như: các bệnh về đường tiêu hoá, bệnh giun sán, các bệnh do muỗi truyền (sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não Nhật Bản,...), các bệnh về mắt, ngoài da,...

Đất bị ô nhiễm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người thông qua tiếp xúc trực tiếp với đất hoặc qua đường hô hấp do sự bốc hơi của chất gây ô nhiễm đất. Ngoài ra, còn các mối đe doạ tiềm tàng lớn hơn từ sự xâm nhập của chất ô nhiễm trong đất vào tầng nước ngầm được sử dụng cho con người.

(Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường,
Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, NXB Dân trí, 2021)

❷ Hiện nay, diện tích đất gieo trồng của Việt Nam là khoảng 9,4 triệu ha (trong đó có 4 triệu ha đất trồng lúa). Nếu mực nước biển dâng thêm 1 m thì Việt Nam sẽ bị mất đi khoảng hơn 2 triệu ha đất trồng lúa (khoảng 50%). Điều này đồng nghĩa với việc người dân mất đất sản xuất, mất đi sinh kế, kéo theo đó là gia tăng nghèo, đói. Theo số liệu của Tổng cục Thuỷ lợi, vụ đông – xuân năm 2015 – 2016 có 104 000 ha lúa bị ảnh hưởng nặng đến năng suất do xâm nhập mặn, chiếm 11% số diện tích gieo trồng của 8 tỉnh ven biển. Tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nhiễm mặn ảnh hưởng tới khả năng sinh trưởng và giảm năng suất lúa, trung bình giảm tới 20% – 25%, thậm chí tới 50%. Người dân trồng lúa, trồng cây ăn trái và nuôi trồng thuỷ sản đứng trước nguy cơ bị mất sinh kế, mất việc làm, mất thu nhập và rất có thể sẽ bị buộc phải trở thành người dân "tị nạn môi trường", những người buộc phải di cư kiếm sống do không thể canh tác trên chính mảnh đất của mình,...

(Theo Nguyễn Thị Hà, *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, ngày 13 – 5 – 2022)

? *Dựa vào các thông tin, em hãy nêu những lí do cần phải giải quyết các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.*

Những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên như: gây ô nhiễm, suy giảm môi trường, suy giảm tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học đang ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống dân sinh và các hoạt động kinh tế. Điều đó đã làm cho chất lượng cuộc sống bị suy giảm, gánh nặng bệnh tật ngày càng gia tăng gây áp lực cho người dân, ngành y tế và xã hội, gây rất nhiều thiệt hại về kinh tế – xã hội, cản trở sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Vì vậy, cần phải nhanh chóng tìm ra các biện pháp để hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường để bảo vệ Trái Đất, bảo vệ cuộc sống bình yên của con người và giới tự nhiên.

2. Một số biện pháp, chính sách nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

❶ Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 xác định mục tiêu phấn đấu 100% các cơ sở sản xuất nhóm tái chế giấy, tái chế kim loại, tái chế nhựa, nhuộm, chế biến thuỷ sản và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở các làng nghề sẽ được thanh tra, kiểm tra, xử lí vi phạm, khắc phục hậu quả hoặc lập kế hoạch di dời vào các khu, cụm công nghiệp hay chuyển đổi ngành nghề sản xuất.

(Theo *Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 – 4 – 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*)

❷ Kế hoạch hành động quốc gia về quản lí rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 xác định mục tiêu đến năm 2025: giảm thiểu 50% rác thải nhựa trên biển và đại dương; 50% ngư cụ khai thác thuỷ sản bị mất hoặc bị vứt bỏ được thu gom; 80% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni-lông khó phân huỷ; bảo đảm tối thiểu một năm hai lần phát động tổ chức chiến dịch thu gom, làm sạch các bãi tắm biển trên toàn quốc; 80% các khu bảo tồn biển không còn rác thải nhựa.

Thực hiện việc quan trắc hằng năm và định kì 5 năm một lần đánh giá hiện trạng rác thải nhựa đại dương tại một số cửa sông thuộc 5 lưu vực sông chính tại Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ và tại các đảo có tiềm năng phát triển du lịch thuộc 12 huyện đảo.

(Theo *Quyết định số 1746/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4 – 12 – 2019 về việc Ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lí rác thải nhựa đại dương đến năm 2030*)

❸ Để quản lí chất thải rắn, bảo vệ môi trường cần thực hiện một số quy định cụ thể:

– Sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn phải được quản lí để giảm khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường theo tiêu chí của kinh tế tuần hoàn.

– Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất hoặc hiệu quả sử dụng sản phẩm.

– Việc sử dụng sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng phải theo nguyên tắc tận dụng tối đa giá trị của sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn.

– Khuyến khích áp dụng giải pháp chuyển đổi số, phát triển và ứng dụng mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số để thúc đẩy giảm thiểu phát sinh, tái sử dụng, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lí chất thải rắn.

(Theo *Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 – 01 – 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*)

❹ Chính phủ đã đưa ra quy định chung về bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung:

– Các phân khu chức năng trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải được quy hoạch bảo đảm các điều kiện: giảm thiểu ảnh hưởng của các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác; thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tăng cường khả năng tái sử dụng, tái chế chất thải, tiết kiệm năng lượng.

– Các dự án trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kĩ thuật để giảm thiểu khả năng ảnh hưởng đến các cơ sở khác và các đối tượng kinh tế – xã hội xung quanh khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

– Khuyến khích việc tái sử dụng chất thải, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, cộng sinh công nghiệp và kinh tế tuần hoàn.

– Khuyến khích thành lập mới hoặc chuyển đổi các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo mô hình khu công nghiệp sinh thái.

(Theo *Điều 47 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 – 01 – 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*)

?

1/ Em hãy nêu mục đích đề ra các biện pháp, chính sách nêu trên và đánh giá việc thực hiện các biện pháp, chính sách đó trong thực tế đã góp phần khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường như thế nào.

2/ Em hãy nêu những chính sách, biện pháp khác có tác dụng khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường.

Để đạt được các mục tiêu bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững cần thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường tiến tới phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm trong thời gian tới, trong đó có những biện pháp:

– Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

– Xử lí, khắc phục ô nhiễm, phục hồi chất lượng môi trường kịp thời, nhanh chóng như: Kế hoạch xử lí, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hoá chất bảo vệ thực vật của Chính phủ; Kế hoạch hành động quốc gia về quản lí rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 của Chính phủ bằng việc thu gom rác thải, ngư cụ trên biển, thực hiện quan trắc biển hằng năm;...

– Kết hợp sử dụng các chế tài về pháp lí, kinh tế cùng với tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp; thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế ít chất thải, kinh tế tuần hoàn.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Biến đổi khí hậu có thể làm cho một bộ phận dân cư phải di cư tìm nơi kiếm sống.

b. Nước thải cũng là nguồn tài nguyên nước quan trọng cần được xử lí, khai thác.

c. Bảo vệ môi trường chính là đảm bảo sự công bằng giữa các nhóm người trong cùng thế hệ và công bằng giữa các thế hệ trong việc sử dụng các nguồn lực từ tự nhiên.

d. Để bắt kịp với các quốc gia có nền kinh tế phát triển, các nước đang phát triển có thể thực hiện tăng trưởng trước, làm sạch môi trường sau.

2. Em hãy cho biết các biện pháp dưới đây được thực hiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đối với môi trường như thế nào.

a. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động chương trình "Triệu cây xanh – Vì một Việt Nam xanh" năm 2022.

b. Chương trình Đổi rác lấy cây: Khi tham gia đổi rác, mọi người có thể đem các loại rác như pin, giấy vụn, vỏ chai,... để đổi quà. Tuỳ vào số lượng rác sẽ quy đổi ra số lượng quà khác nhau như: 5 kg giấy vụn, 3 kg vỏ lon hoặc 5 cục pin sẽ nhận được một cây xanh và một cuốn sách.

c. Ngành xây dựng thực hiện chương trình vật liệu không nung.

d. Đoàn Thanh niên phát động phong trào thanh niên xung kích xây dựng nông thôn mới, xây dựng địa chỉ xanh, giúp các hộ dân di chuyển chuồng trại chăn nuôi ra khỏi nhà ở,...

3. Bài tập nghiên cứu

Em hãy lập và thực hiện kế hoạch nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên theo hướng dẫn sau đây:

*** Mục tiêu:**

– Lập được kế hoạch nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên ở địa phương mà em quan tâm.

– Thực hiện được kế hoạch nghiên cứu.

– Trình bày được kết quả nghiên cứu.

*** Cách thực hiện:**

Bước 1. Cá nhân lập kế hoạch nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên ở địa phương mà em quan tâm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Xác định mục tiêu nghiên cứu cụ thể.

– Xác định thời gian, địa điểm nghiên cứu: một buổi; địa điểm ở gần nơi em sống.

– Xác định nội dung, nhiệm vụ, cách thức tiến hành nghiên cứu:

  + Nội dung, nhiệm vụ cần thực hiện là: xác định được một tác động tiêu cực cụ thể của phát triển kinh tế đến môi trường từ đó quan sát, phỏng vấn, lưu lại hình ảnh thể hiện tác động tiêu cực đó ảnh hưởng xấu như thế nào đến cuộc sống của con người ở địa phương. Các nhiệm vụ đặt ra cần phải đảm bảo thực hiện được mục tiêu nghiên cứu.

  + Xác định cụ thể cách thức tiến hành từng nội dung, nhiệm vụ để đưa vào kế hoạch nghiên cứu.

– Xác định phương tiện thực hiện: giấy, bút, phiếu phỏng vấn, nếu có điều kiện thì thêm điện thoại thông minh để quay phim, chụp ảnh.

Bước 2. Lập kế hoạch nghiên cứu theo nhóm

– Thành lập nhóm nghiên cứu, bầu nhóm trưởng và thư kí nhóm, tập hợp kế hoạch nghiên cứu của các cá nhân trong nhóm thành một bản kế hoạch chung, trong đó cần phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Bước 3. Trình bày kế hoạch nghiên cứu của nhóm

– Đại diện các nhóm trình bày bản kế hoạch nghiên cứu của nhóm và nghe góp ý, bổ sung.

– Nhận xét, đánh giá chung kết quả lập kế hoạch nghiên cứu của các nhóm.

Bước 4. Thực hiện kế hoạch nghiên cứu

Cách thức thực hiện:

– Các nhóm triển khai công việc, liên hệ với cá nhân, hộ gia đình đang bị ảnh hưởng bởi tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường mà nhóm quan tâm nghiên cứu để quan sát, phỏng vấn, cần trình bày rõ ràng mục đích nghiên cứu và mong muốn được chia sẻ thông tin.

Lưu ý khi thực hiện kế hoạch nghiên cứu: Trong quá trình thực hiện, chú ý tìm hiểu, quan sát, ghi tóm tắt nội dung tìm hiểu, quan sát được theo nhiệm vụ được phân công. Có thể dùng điện thoại thông minh để chụp ảnh những biểu hiện của ảnh hưởng.

– Phỏng vấn người dân để thu thập thông tin về vấn đề nhóm đang quan tâm, nghiên cứu. Chú ý lắng nghe và ghi những thông tin thu thập được qua phỏng vấn.

*** Báo cáo kết quả nghiên cứu:**

– Mỗi nhóm trưng bày kết quả thực hiện dự án tại một khu vực trong lớp (bài báo cáo trên giấy A0, hình ảnh, video, sơ đồ,...).

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU....

Nhóm thực hiện:.....

Địa điểm thực hiện:.....

Thời gian thực hiện:.....

Nội dung:.....

Kết quả:.....

Đánh giá chung:.....

– Từng thành viên trình bày các sản phẩm nghiên cứu đã thực hiện và những điều thu nhận được theo nhiệm vụ được phân công.

– Các nhóm thảo luận nội dung, cách trình bày sản phẩm chung của nhóm. Cần đưa những hình ảnh, số liệu, thông tin thuyết phục vào bài trình bày của nhóm.

– Đại diện các nhóm trưng bày sản phẩm và trình bày kết quả nghiên cứu.

– Lắng nghe thầy, cô giáo nhận xét chung về báo cáo nghiên cứu của các nhóm cũng như tuyên dương, khen ngợi những nhóm có báo cáo sinh động, hấp dẫn và thể hiện được đầy đủ nội dung cơ bản theo mục tiêu đã xác định.

VẬN DỤNG

Em hãy viết bài hoặc vẽ tranh tuyên truyền về ngày Môi trường thế giới.

Chuyên đề 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Bài 3: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.*
- *Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.*
- *Điều chỉnh được hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.*
- *Tích cực, chủ động vận động người khác điều chỉnh hành vi pháp luật phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; phê phán các hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.*

MỞ ĐẦU

Pháp luật dân sự điều chỉnh các quan hệ xã hội diễn ra phổ biến trong đời sống hằng ngày như: mua bán, tặng cho, gửi giữ, vay, mượn, thừa kế tài sản,...

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Bạn T đi học bằng xe đạp và mua vé tháng để gửi xe tại bãi giữ xe của trường. Buổi sáng đến trường, T đưa xe vào bãi gửi xe và nhận vé giữ xe.

Trong trường hợp trên, bạn T đã tham gia vào quan hệ xã hội nào? Quan hệ đó diễn ra giữa T với ai?

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm pháp luật dân sự

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ luật này quy định địa vị pháp lí, chuẩn mực pháp lí về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự).

❷ Anh A gửi xe máy ở một bãi giữ xe trong bệnh viện có nhận vé gửi xe từ người trông giữ xe. Sau khi khám bệnh xong, anh A không tìm thấy xe của mình mặc dù vé gửi xe của anh vẫn còn. Thực tế, xe của anh đã bị kẻ gian lấy mất.

❸ Ông B là tác giả của cuốn sách do Nhà xuất bản G xuất bản. Trong buổi ra mắt giới thiệu sách, ông đã kí vào một số cuốn sách và tặng cho những người tham gia.

?

1/ Xe máy của anh A có tính được thành tiền không? Có thể dùng để mua bán, tặng cho, cho thuê, cho mượn được không?

2/ Người trông giữ xe có phải bồi thường thiệt hại vì làm mất xe máy của anh A không? Vì sao?

3/ Ở trường hợp 3, tên của cuốn sách là do ông B đặt hay do Nhà xuất bản G đặt? Nhà xuất bản G có bị bắt buộc phải ghi tên tác giả là ông B không? Vì sao? Ông B có thể tặng sách cho người khác được không? Vì sao?

Pháp luật dân sự là hệ thống các quy phạm pháp luật quy định địa vị pháp lí, chuẩn mực pháp lí về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự).

Quan hệ dân sự gồm quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản nhất định dưới dạng vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản này có thể tính được thành tiền và có thể dùng để trao đổi: mua bán, tặng cho, gửi giữ,...

Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người và người phát sinh từ quyền nhân thân của một cá nhân. Quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Ví dụ: quyền có họ, tên; quyền thay đổi họ, tên; quyền tác giả đối với tác phẩm,...

2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

1. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kì lí do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Mọi cam kết, thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

4. Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

❷ Bà B kí hợp đồng cung ứng rau sạch, đúng tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm cho Siêu thị V, thời hạn 1 năm. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Theo hợp đồng, nghĩa vụ của bà B là giao đủ số lượng và chủng loại rau cho Siêu thị vào 6 giờ sáng hằng ngày, nghĩa vụ của siêu thị là thanh toán tiền rau vào sáng thứ Hai hằng tuần. Ba tháng đầu, siêu thị thanh toán tiền rau đầy đủ và đúng hạn. Tuy nhiên, từ tháng thứ tư trở đi, Siêu thị V lấy lí do gặp khó khăn về vốn trong kinh doanh nên chậm thanh toán tiền rau, hai tháng mới thanh toán một lần. Hết thời hạn 1 năm, hợp đồng chấm dứt nhưng Siêu thị V còn nợ bà B 50 000 000 đồng tiền rau.

❸ Doanh nghiệp K kí hợp đồng cung ứng vật tư xây dựng cho cơ quan N để phục vụ cho việc sửa chữa văn phòng của cơ quan. Trong hợp đồng này, hai bên đã thoả thuận cụ thể về số lượng, giá cả từng loại vật liệu, thời gian, phương thức giao nhận, thời gian, phương thức thanh toán,... Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cả hai bên đều thực hiện đầy đủ và đúng các thoả thuận đã cam kết, hoàn thành tất cả các nghĩa vụ đối với bên kia.

?

1/ Việc kí kết hợp đồng giữa bà B và Siêu thị V thể hiện được những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật dân sự?

2/ Việc Siêu thị V thanh toán tiền rau cho bà B chậm hơn thời hạn được ghi trong Hợp đồng là vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật dân sự?

3/ Việc kí kết và thực hiện hợp đồng cung ứng vật tư xây dựng giữa Doanh nghiệp K và cơ quan N thể hiện được những nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật dân sự?

Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự gồm có: bình đẳng; tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận; thiện chí, trung thực; không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng với các cơ quan nhà nước khi tham gia vào quan hệ dân sự với các cơ quan này.

b. Chỉ các cá nhân mới cần phải thiện chí, trung thực khi xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình.

c. Khi xác lập, thực hiện, chấm dứt các quyền và nghĩa vụ dân sự của mình, các chủ thể chỉ cần quan tâm tới lợi ích của các bên trong quan hệ dân sự.

d. Bất cứ chủ thể nào khi xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự cũng đều phải tôn trọng lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

e. Cá nhân luôn phải chịu trách nhiệm với pháp nhân về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự của mình.

2. Theo em, hành vi/ việc làm của các chủ thể trong những tình huống sau là tuân thủ hay vi phạm nguyên tắc của pháp luật dân sự? Vì sao?

a. M mượn sách của N để ôn bài, không may trên đường đi M đánh rơi mất sách mà không biết. Về đến nhà phát hiện ra điều đó nên M đã dùng tiền tiết kiệm mua một cuốn sách mới mang đến xin lỗi và trả lại sách cho N.

b. Công ty lương thực R kí hợp đồng mua bán các loại gạo cho quầy bán gạo của bà E với giá gạo loại 1 là 30 000 đồng/kg, gạo loại 2 là 25 000 đồng/kg, gạo loại 3 là 20 000 đồng/kg và hưởng mức chiết khấu 20%. Tuy nhiên, sau một thời gian, để tăng lợi nhuận, Công ty R đã trộn thêm một phần nhỏ gạo loại 2 vào gạo loại 1 nhưng trên bao bì vẫn ghi là gạo loại 1 và giao cho bà E với giá 30 000 đồng/kg. Bà E không phát hiện ra điều đó nên vẫn giao cho khách với giá 30 000 đồng/kg.

c. Siêu thị điện máy H bán ti vi được sản xuất bởi Công ty D cho khách hàng. Sau khi bán được một thời gian, Công ty D phát hiện một số ti vi của hãng có lỗi nên đã chủ động kết hợp với Siêu thị H thông báo tới khách hàng thu hồi lại các ti vi đã bán và bồi hoàn tiền mua cho khách hàng.

3. Em hãy tư vấn cho các nhân vật dưới đây để giúp họ thực hiện đúng các nguyên tắc của pháp luật dân sự.

a. Anh T mang xe máy đến bảo dưỡng tại một cửa hàng sửa xe. Sau khi thoả thuận về giá cả, các bộ phận bảo dưỡng và thời gian bảo dưỡng, cửa hàng sửa xe đã giao cho anh một phiếu giao nhận hàng ghi rõ thời gian trả xe và giá sửa chữa. Sau khi sửa xong, thấy chưa đến ngày trả xe nên một nhân viên tại cửa hàng đã định cho người nhà mượn xe để dùng vào việc riêng.

b. Khi chuẩn bị sửa nhà, vợ chồng ông K có ý định giao kết hợp đồng với một cửa hàng bán vật liệu xây dựng sẽ giao nhận và tập kết vật liệu vào ban đêm tại lối đi chung đầu ngõ.

c. C là nhân viên bán hàng cho một cửa hàng bán trái cây tươi. Vì muốn tăng lợi nhuận nên chủ cửa hàng đã yêu cầu C dán nhãn mác trái cây nhập từ nước U với giá bán khá cao vào những trái cây cùng loại nhập từ nước T với giá thấp hơn.

VẬN DỤNG

Viết bài chia sẻ về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân trong một quan hệ dân sự mà em đã tham gia.

Bài 4: Một số chế định của pháp luật dân sự về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp.*
- *Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự.*
- *Điều chỉnh được hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự.*
- *Tích cực, chủ động vận động người khác điều chỉnh hành vi pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỞ ĐẦU

Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự là những chế định không thể thiếu của pháp luật dân sự. Hai chế định này có quan hệ mật thiết với nhau. Nghĩa vụ dân sự được thể hiện trong hợp đồng dân sự và hợp đồng dân sự là một trong những căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ dân sự.

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Dịp tết Nguyên đán, anh T đã mua vé máy bay của Hãng hàng không B để về quê ăn Tết. Trong quan hệ này, anh T có nghĩa vụ gì đối với Hãng hàng không B và Hãng hàng không B có nghĩa vụ gì đối với anh T?

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự

Em hãy đọc các thông tin và trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 274. Nghĩa vụ

Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (sau đây gọi chung là bên có nghĩa vụ) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (sau đây gọi chung là bên có quyền).

Điều 275. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ

Nghĩa vụ phát sinh từ căn cứ sau đây:

1. Hợp đồng;
2. Hành vi pháp lí đơn phương;
3. Thực hiện công việc không có uỷ quyền;
4. Chiếm hữu, sử dụng tài sản hoặc được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật;
5. Gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật;
6. Căn cứ khác do pháp luật quy định.

Điều 279. Thực hiện nghĩa vụ giao vật (trích)

1. Bên có nghĩa vụ giao vật phải bảo quản, giữ gìn vật cho đến khi giao.

3. Bên có nghĩa vụ phải chịu mọi chi phí về việc giao vật, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Điều 280. Thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Điều 292. Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

1. Cầm cố tài sản;

2. Thế chấp tài sản;

3. Đặt cọc;

4. Kí cược;

5. Kí quỹ;

6. Bảo lưu quyền sở hữu;

7. Bảo lãnh;

8. Tín chấp;

9. Cầm giữ tài sản.

Điều 351. Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ

1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền.

Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.

2. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu chứng minh được nghĩa vụ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của bên có quyền.

❷ Ngày 1 – 3 – 2021, ông B (50 tuổi) là chủ một trang trại nuôi lợn thịt, kí hợp đồng cung cấp thịt lợn sạch cho Công ty Thực phẩm H với nội dung cơ bản là:

– Hằng ngày, ông B phải giao cho Công ty Thực phẩm H 100 kg thịt lợn sạch các loại vào lúc 5 giờ sáng tại cửa hàng bán thực phẩm của công ty với giá bán cụ thể cho từng loại thịt và thịt được giao phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

– Công ty Thực phẩm H phải thanh toán đầy đủ tiền thịt lợn đã giao từng tuần cho ông B theo giá mà hai bên đã thoả thuận vào thứ Hai của tuần kế tiếp tuần nhận được thịt đã giao.

❸ Để có vốn xây dựng trang trại nuôi bò và mua bò giống, ông T đã đến ngân hàng xin vay vốn, ngân hàng đồng ý cho ông T vay tiền với điều kiện ông phải giao cho ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của gia đình ông để làm tài sản thế chấp. Hai bên cũng thoả thuận là nếu đến thời hạn trả nợ mà ông T không trả được nợ thì ngân hàng sẽ phát mãi (bán) ngôi nhà của gia đình ông để thu hồi nợ.

1/ Trong trường hợp 2, theo em:

– *Nghĩa vụ của các bên phát sinh trên cơ sở của căn cứ nào?*

– *Ông B phải thực hiện nghĩa vụ gì với Công ty thực phẩm H và Công ty thực phẩm H phải thực hiện nghĩa vụ gì với ông B? Vì sao?*

2/ Trong trường hợp 3, theo em:

– *Biện pháp bảo đảm giao kết hợp đồng và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là gì?*

– *Hậu quả mà ông T phải chịu nếu vi phạm nghĩa vụ là gì? Đó có phải là trách nhiệm dân sự không? Vì sao?*

Nghĩa vụ dân sự là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (sau đây gọi chung là bên có nghĩa vụ) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (sau đây gọi chung là bên có quyền).

Nghĩa vụ dân sự phát sinh trên cơ sở căn cứ do luật định.

Thực hiện nghĩa vụ dân sự là hành vi giao vật, trả tiền, thực hiện một công việc hoặc không được thực hiện một công việc của các bên trong quan hệ dân sự.

Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự là biện pháp do các bên trong quan hệ nghĩa vụ thoả thuận trên cơ sở quy định của pháp luật nhằm bảo đảm quyền lợi của bên có quyền và bảo đảm sự thiện chí, nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ.

Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền.

2. Một số quy định pháp luật về hợp đồng dân sự

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 116. Giao dịch dân sự

Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lí đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Điều 117. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.

Điều 119. Hình thức giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng kí thì phải tuân theo quy định đó.

Điều 385. Khái niệm hợp đồng

Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Điều 398. Nội dung của hợp đồng

1. Các bên trong hợp đồng có quyền thoả thuận về nội dung trong hợp đồng.

2. Hợp đồng có thể có các nội dung sau đây:

a) Đối tượng của hợp đồng;

b) Số lượng, chất lượng;

c) Giá, phương thức thanh toán;

d) Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;

đ) Quyền, nghĩa vụ của các bên;

e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

g) Phương thức giải quyết tranh chấp.

❷ Gia đình ông B có một chiếc ti vi đã sử dụng 5 năm, khi thấy Cửa hàng điện máy X thông báo có thể đổi ti vi cũ lấy ti vi mới, ông B đã mang ti vi cũ đến để đổi lấy một ti vi mới. Sau khi giao ti vi cũ cho cửa hàng và nhận ti vi mới, ông B đã thanh toán cho cửa hàng số tiền chênh lệch giữa giá ti vi mới với giá ti vi cũ và nhận phiếu bảo hành từ nhân viên thu ngân của cửa hàng.

❸ Anh K kí kết hợp đồng thuê phòng ở của ông C với nội dung cơ bản như sau:

– Nghĩa vụ của bên thuê:

+ Giữ gìn vệ sinh, bảo quản đồ đạc cẩn thận; nếu làm hỏng, làm mất đồ đạc trong phòng thì phải bồi thường;

+ Thanh toán đầy đủ tiền thuê phòng, điện, nước theo đúng số lượng và thời hạn đã ghi trong hợp đồng;

+ Trả lại phòng trọ đúng thời điểm đã thoả thuận trong hợp đồng;...

– Nghĩa vụ của bên cho thuê:

+ Sửa chữa hoặc thay những đồ đạc bị hỏng trong thời gian cho thuê nếu không do lỗi của bên thuê;

+ Không được tăng giá thuê phòng và không được cho người khác đến ở trong thời gian cho thuê đã ghi trong hợp đồng;...

1/ Hợp đồng trao đổi ti vi giữa ông B và Công ty điện máy X được thể hiện bằng hình thức nào?

2/ Hợp đồng thuê phòng ở giữa anh K và ông C được thể hiện bằng hình thức nào? Hợp đồng đó có những nội dung gì?

3/ Theo em, các nội dung của khoản 2 Điều 398 nêu trên có bắt buộc phải có trong tất cả các hợp đồng dân sự không? Vì sao?

Hợp đồng dân sự là một loại giao dịch dân sự.

Hợp đồng dân sự là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Hợp đồng dân sự có hiệu lực khi có đủ điều kiện do luật định.

Hình thức của hợp đồng dân sự có thể bằng lời nói hoặc bằng văn bản; có loại hợp đồng bắt buộc phải bằng văn bản có công chứng, chứng thực.

Nội dung của hợp đồng dân sự là do các bên thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng dân sự là thực hiện những nghĩa vụ đã thoả thuận của mỗi bên tham gia hợp đồng đối với bên kia.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Hành vi giao vật hoặc trả tiền là thực hiện nghĩa vụ dân sự trong hợp đồng mua bán tài sản.

b. Tất cả các nghĩa vụ dân sự đều cần có biện pháp bảo đảm thực hiện.

c. Nghĩa vụ dân sự chỉ phát sinh trên cơ sở của hợp đồng dân sự.

d. Hợp đồng dân sự có thể được thể hiện bằng lời nói hoặc bằng văn bản, song có trường hợp bắt buộc bằng văn bản.

e. Hợp đồng dân sự có hiệu lực khi có đủ điều kiện do luật định.

g. Bên vi phạm nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền.

2. Theo em, hành vi/ việc làm của các chủ thể trong những tình huống sau là thực hiện hợp đồng hay vi phạm hợp đồng? Vì sao?

a. T mượn xe đạp của N và hẹn khi mua sách về sẽ trả xe ngay. Tuy nhiên, khi về đến nhà thì em trai của T nói có việc gấp và xin T cho mượn xe để đi cho nhanh. Vì chiều em nên T đã cho em mình mượn xe mà không thông báo cho N biết.

b. Ông B đã giao kết hợp đồng vay ngân hàng 100 triệu đồng trong thời hạn 2 năm để có vốn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, chỉ sau 1 năm ông đã đến ngân hàng đề nghị cho thanh toán nợ trước hạn và được ngân hàng đồng ý.

c. Gia đình ông A kí hợp đồng thuê nhà ở của gia đình bà P với thời hạn 3 năm và thời hạn thanh toán tiền thuê là 6 tháng 1 lần. Khi hết thời hạn thuê, bà P yêu cầu gia đình ông A trả lại nhà cho bà. Ông A đề nghị bà P gia hạn thêm 3 năm nhưng bà P không đồng ý. Tuy nhiên, gia đình ông A vẫn cố tình không chuyển đi mặc dù bà P đã nhiều lần nhắc nhở.

d. Khi học lớp 12, S được bố mẹ hứa sẽ tặng cho một chiếc xe máy nếu bạn trúng tuyển vào đại học. Sau khi trúng tuyển vào đại học, bố mẹ đã mua cho S một chiếc xe máy 50 cm^3. S xin bố mẹ cho đổi sang xe máy 70 cm^3 để dáng đẹp hơn, song bố mẹ S không đồng ý.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

a. Doanh nghiệp K kí hợp đồng mua 50 chiếc xe máy của Công ty Z. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong quá trình sản xuất nên đến thời hạn giao hàng, Công ty Z chỉ giao cho Doanh nghiệp K được 20 chiếc xe máy làm cho Doanh nghiệp K phải mất một khoản tiền rất lớn để chi trả cho các khách hàng đã đặt cọc mua xe của doanh nghiệp.

Việc Công ty Z không giao đủ số xe máy cho Doanh nghiệp K khi đến hạn có phải là vi phạm nghĩa vụ, vi phạm hợp đồng dân sự không? Công ty Z có phải bồi thường thiệt hại cho Doanh nghiệp K không? Vì sao?

b. P đặt mua online một áo sơ mi nhãn hiệu X của một cửa hàng thời trang trên mạng và đã chuyển tiền thanh toán cho cửa hàng. Tuy nhiên, khi kiểm tra áo do nhân viên giao hàng mang đến, P phát hiện ra chiếc áo đó có nhãn hiệu Y.

1/ Trong trường hợp này, mỗi bên có những nghĩa vụ gì?

2/ Trách nhiệm giao không đúng hàng theo hợp đồng thuộc về ai? Vì sao?

3/ Nếu là P, em sẽ làm gì để bảo vệ quyền lợi của mình?

VẬN DỤNG

Em hãy viết bài kể về một trường hợp thực hiện đúng hợp đồng (hoặc nghĩa vụ) dân sự và một trường hợp vi phạm hợp đồng (hoặc nghĩa vụ) dân sự và rút ra bài học cho bản thân.

Bài 5: Một số chế định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số chế định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp liên quan đến hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.*
- *Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.*
- *Điều chỉnh được hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.*
- *Tích cực, chủ động vận động người khác điều chỉnh hành vi pháp luật về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản.*

MỞ ĐẦU

Quan hệ hôn nhân, gia đình, thừa kế di sản phát sinh và gắn liền với mỗi cá nhân trong đời sống hằng ngày. Các quan hệ này có liên quan mật thiết với nhau, trong đó quan hệ hôn nhân, gia đình là tiền đề, cơ sở để phát sinh quan hệ thừa kế theo pháp luật.

Nếu ông bà nội tặng cho em sổ tiết kiệm 20 triệu đồng, theo em, 20 triệu đồng đó là tài sản riêng của em hay tài sản chung của gia đình? Vì sao?

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về hôn nhân và gia đình

a) Quy định về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 39. Quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình (trích)

1. Cá nhân có quyền kết hôn, li hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và

các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình.

Điều 43. Nơi cư trú của vợ, chồng

1. Nơi cư trú của vợ, chồng là nơi vợ, chồng thường xuyên chung sống.

2. Vợ, chồng có thể có nơi cư trú khác nhau nếu có thoả thuận.

Điều 213. Sở hữu chung của vợ chồng

1. Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia.

2. Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.

3. Vợ chồng thoả thuận hoặc uỷ quyền cho nhau chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.

4. Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thoả thuận hoặc theo quyết định của Toà án.

5. Trường hợp vợ chồng lựa chọn chế độ tài sản theo thoả thuận theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng được áp dụng theo chế độ tài sản này.

❷ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 17. Bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng

Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp, Luật này và các luật khác có liên quan.

Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng (trích)

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Điều 21. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng

Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ về học tập, làm việc, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội

Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Điều 33. Tài sản chung của vợ chồng (trích)

1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kì hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.

3 Ông P là Giám đốc một doanh nghiệp quản lí 200 người lao động và cùng với vợ sở hữu chung một ngôi nhà có giá trị. Vợ ông trước đây cũng làm nghề kinh doanh, nhưng sau khi bố mẹ của ông P cao tuổi, các con ông đi học cần có người đưa đón nên vợ ông nghỉ kinh doanh và chỉ lo chăm sóc gia đình. Mặc dù vậy, ông P vẫn yêu thương, tôn trọng vợ, thảo luận, bàn bạc với vợ về mọi việc trong gia đình và dành thời gian hướng dẫn các con học bài.

?

1/ Em hãy chỉ ra những biểu hiện của quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ chồng ông P trong trường hợp trên.

2/ Theo em, tài sản do ông P làm ra có phải là tài sản chung của vợ chồng ông không? Vợ ông có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với tài sản do ông làm ra không? Vì sao?

3/ Nếu ông P muốn bán ngôi nhà mà vợ chồng ông đang ở hoặc mua ngôi nhà khác thì có cần được sự chấp thuận của vợ ông không? Vì sao?

Quan hệ giữa vợ và chồng gồm quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản:

- Trong quan hệ nhân thân, vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân, lựa chọn nơi cư trú cũng như trong học tập, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và phải tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.
- Tài sản của vợ chồng gồm có tài sản chung và tài sản riêng. Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.

b) *Quy định về quyền nhân thân và quyền tài sản giữa các thành viên trong gia đình*

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1 Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 39. Quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình

1. Cá nhân có quyền kết hôn, li hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình.

Con sinh ra không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với cha, mẹ của mình.

2. Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật Hôn nhân và gia đình và luật khác có liên quan.

Điều 212. Sở hữu chung của các thành viên gia đình (trích)

1. Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan.

2. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thoả thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng kí, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thoả thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác.

❷ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 69. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ (trích)

1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

4. Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của con (trích)

1. Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

2. Có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

Điều 105. Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em

Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Điều 104. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu

1. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

2. Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại; trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Điều 106. Quyền, nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột

Cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp người cần được nuôi dưỡng không còn cha, mẹ, con và những người được quy định tại Điều 104 và Điều 105 của Luật này hoặc còn nhưng những người này không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng.

❸ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 185. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình (trích)

1. Người nào đối xử tồi tệ hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

a) Thường xuyên làm cho nạn nhân bị đau đớn về thể xác, tinh thần;

❹ Do bố mẹ mất sớm nên hai anh em K phải sống cùng với ông bà nội và chú thím. Ông bà nội và chú thím K rất thương hai anh em và luôn tạo điều kiện cho anh em K được ăn học đầy đủ. Hai anh em K đều cố gắng học tốt để khỏi phụ lòng ông bà, chú thím. Ông bà của K có một xưởng mộc nhỏ nên ngoài thời gian học ở trường, hai anh em phụ giúp ông bà làm việc nhà cũng như làm việc ở xưởng mộc. Anh của K năm nay 16 tuổi và đã bắt đầu nhận được tiền lương từ xưởng mộc.

❺ Bà H sống cùng nhà với mẹ đẻ là cụ N (80 tuổi) và con gái là V (30 tuổi). Ba người sống không hoà thuận nên thường nảy sinh mâu thuẫn. Cụ N chuyển quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho cháu gái là K. Vì không được cho tài sản nên khi cụ N bị ngã, không đi lại được, bà H không chăm sóc, thường xuyên mắng chửi và hành hạ cụ.

?

1/ Theo em, anh của K có nghĩa vụ đóng góp tiền lương cho ông bà để phụ thêm tiền chi tiêu trong gia đình không? Vì sao?

2/ Anh em K có nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, chú thím không? Vì sao?

3/ Trong trường hợp 5, bà H có thể phải chịu hậu quả pháp lí như thế nào về hành vi của mình? Vì sao?

Trong quan hệ giữa cha mẹ và con, cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với nhau, trong đó quyền và nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng và tôn trọng nhau là quan trọng nhất. Các thành viên trong gia đình như ông bà nội ngoại và cháu; anh, chị, em; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột đều có quyền và nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và nuôi dưỡng nhau trong những trường hợp nhất định.

Tài sản chung của các thành viên gia đình gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của pháp luật. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thoả thuận.

2. Một số quy định cơ bản của pháp luật về thừa kế di sản

a) Quy định chung về thừa kế di sản

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 609. Quyền thừa kế

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc.

Điều 612. Di sản

Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.

Điều 613. Người thừa kế

Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Người thừa kế là pháp nhân, tổ chức thì phải còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.

❷ Vợ chồng ông A có quyền sở hữu một ngôi nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất có diện tích 120 m^2 tại xã X, tỉnh T. Vợ chồng ông có hai con gái. Người con gái lớn sau khi lấy chồng đã chuyển ra ở riêng tại một căn hộ chung cư. Người con gái thứ hai sau khi lấy chồng đã cùng chồng sống với vợ chồng ông A để tiện chăm sóc bố mẹ già. Ông A chết ngày 21 – 2 – 2020, thọ 82 tuổi và không để lại di chúc. Bố mẹ ông A đều đã chết.

? *Theo em, những ai sẽ được hưởng di sản thừa kế của ông A?*

b) Quy định về thừa kế theo di chúc

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 624. Di chúc

Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

Điều 625. Người lập di chúc

1. Người thành niên có đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 630 của Bộ luật này có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình.

2. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi được lập di chúc, nếu được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý về việc lập di chúc.

Điều 630. Di chúc hợp pháp (trích)

1. Di chúc hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép;

b) Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của luật.

Điều 627. Hình thức của di chúc

Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.

Điều 644. Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc (trích)

1. Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:

a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;

b) Con thành niên mà không có khả năng lao động.

❷ Ông T (70 tuổi) là bộ đội xuất ngũ, vợ ông kém ông 5 tuổi. Vợ chồng ông có 3 người con nhưng không may 1 trong 3 người bị tật nguyền, không có khả năng lao động. Ông T có ngôi nhà ngói 5 gian dựng trên mảnh đất diện tích 200m² do cha mẹ ông để lại cho. Vì lo sợ khi nhiều tuổi hơn sẽ không còn minh mẫn nên ông lập di chúc để định đoạt tài sản thừa kế của mình. Sau khi viết xong, ông mang bản di chúc đến Uỷ ban nhân dân xã yêu cầu chứng thực.

?

1/ Theo em, việc lập di chúc của ông T có được coi là hợp pháp không? Vì sao? Trong di chúc của mình, ông T có thể cho Nhà nước hoặc một tổ chức nào đó được hưởng di sản của mình không?

2/ Nếu trong di chúc của mình, ông T không ghi tên vợ và người con tật nguyền trong số những người được hưởng di sản thì hai người đó có được hưởng tài sản thừa kế của ông không? Vì sao?

c) Quy định về thừa kế theo pháp luật

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 649. Thừa kế theo pháp luật

Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.

Điều 651. Người thừa kế theo pháp luật

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người

chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

② Vợ chồng bà Y có ngôi nhà trị giá 2 tỉ đồng. Ông bà có hai con, một người con do ông bà nhận nuôi từ nhỏ và một người con đẻ. Cả hai người đều xây dựng gia đình, có con và ở nhà riêng. Các con ông bà đều rất có hiếu, kính trọng ông bà, những ngày cuối tuần hoặc lễ, tết, họ đều đưa gia đình về thăm ông bà hoặc đi du lịch cùng ông bà. Trong lúc đại gia đình đang vui vẻ, hạnh phúc thì không may bà Y bị chết do mắc bệnh hiểm nghèo và bà không để lại di chúc. Bố mẹ của bà Y đã chết từ lâu.

?

Theo em, khi bà Y chết mà không để lại di chúc thì những ai được hưởng thừa kế di sản của bà? Vì sao?

Thừa kế di sản là việc dịch chuyển tài sản của người chết cho người còn sống theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật.

Thừa kế di sản có hai hình thức: theo di chúc và theo pháp luật.

LUYỆN TẬP

1. Trong giờ thảo luận, cô giáo nêu một bài tập tình huống về thừa kế di sản với nội dung như sau:

Bố, mẹ, A và em gái sống cùng với ông bà nội tại ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của bố mẹ A. Bố A là doanh nhân, mẹ ở nhà làm ruộng và lo công việc nội trợ. Ngày 15 – 12 – 2021, bố A mất do mắc bệnh hiểm nghèo mà không để lại di chúc.

Khi thảo luận nhóm, M cho rằng trong tình huống này, di sản thừa kế của bố A phải chia theo pháp luật và những người được hưởng thừa kế gồm mẹ A, A và em gái. N cho rằng những người được hưởng di sản thừa kế của bố A gồm ông nội, bà nội, mẹ, A và em gái.

Theo em, ý kiến đúng là của M hay N? Vì sao?

2. Theo em, hành vi của chủ thể trong các trường hợp sau là thực hiện đúng hay vi phạm pháp luật dân sự? Vì sao?

a. Gia đình ông N có ba anh em, ông là con trưởng và sống cùng nhà với cha mẹ. Em trai và em gái ông đều đã kết hôn và sống cùng gia đình riêng ở các địa phương khác. Mẹ ông mất trước và không để lại di chúc. Sau đó cha ông cũng mất và không để lại di chúc. Em trai và em gái ông yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ, song ông N kiên quyết phản đối với lí do chỉ có mình ông sống cùng cha mẹ và chăm sóc các cụ sớm hôm nên mới có quyền hưởng thừa kế tài sản của các cụ.

b. Từ khi còn nhỏ, hằng năm T đều nhận được các khoản tiền khác nhau như: tiền mừng tuổi vào dịp tết Nguyên đán, tiền thưởng khi đạt thành tích cao trong học tập, tiền chúc mừng vào các ngày Quốc tế thiếu nhi 1 – 6, rằm tháng Tám, sinh nhật,... Mẹ T đã gửi tiết kiệm tại ngân hàng tất cả số tiền đó của T vào riêng một sổ tiết kiệm mang tên mẹ. Sau lần sinh nhật thứ 15, T đã xin mẹ chuyển số tiền tiết kiệm của T từ sổ mang tên mẹ sang sổ mang tên em. Mẹ T đồng ý và đưa T đến ngân hàng để làm thủ tục sang tên sổ tiết kiệm cho T.

c. Vợ chồng ông K kết hôn đã lâu nhưng chưa có con nên đã nhận một bé gái về nuôi. Sau một năm thì ông bà sinh được một cậu con trai. Hai ông bà đã nuôi dạy và chăm sóc hai con rất chu đáo, không phân biệt con đẻ và con nuôi.

d. Bố mẹ anh P đã ngoài 70 tuổi và sống cùng với vợ chồng anh. Lúc khoẻ, hai cụ thường phụ giúp anh chị làm việc nhà, chăm sóc, dạy dỗ các cháu. Song mỗi khi các cụ yếu, mệt thì đều phải tự chăm sóc nhau và có sự phụ giúp thêm của các con anh P. Hai vợ chồng anh P đều lấy cớ bận đi làm, không có thời gian nên không quan tâm đến bố mẹ và phó mặc toàn bộ công việc nhà cho bố mẹ và các con mình.

3. T (14 tuổi) đã lấy trộm xe đạp điện của V (bạn học cùng lớp) đem bán lấy tiền tiêu. Sau khi phát hiện sự việc, bố mẹ V đã yêu cầu T phải trả lại xe hoặc trả số tiền hợp lí với giá trị của chiếc xe đó cho V.

Theo em, trong trường hợp này T hay bố mẹ T phải bồi thường thiệt hại cho V? Vì sao?

4. Em hãy đọc các trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

a. Vợ chồng anh B cùng là doanh nhân, công việc của hai anh chị khá bận rộn, không có nhiều thời gian để làm việc nhà. Bố mẹ anh đều đã cao tuổi, mẹ anh lại có bệnh nền, cần phải được chăm sóc thường xuyên. Các con anh chị còn nhỏ, phải tập trung học tập nên cũng không có nhiều thời gian để chăm sóc ông bà.

Theo em, vợ chồng anh B có thể làm gì để thực hiện được nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ?

b. Vợ chồng ông X có một khối tài sản chung khá lớn. Ông X muốn sau khi chết sẽ để lại một phần di sản của mình để thờ cúng tổ tiên, một phần cho quỹ từ thiện mang tên ông, phần còn lại dành cho con cháu. Ông băn khoăn chưa biết làm cách nào để thực hiện được ý nguyện của mình.

1/ Em hãy tư vấn cho ông X cách để thực hiện được ý nguyện đó.

2/ Nếu viết di chúc, ông X có thể định đoạt toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng ông không? Vì sao?

VẬN DỤNG

Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng hoặc sưu tầm một vụ việc về thừa kế di sản và một câu chuyện về lòng hiếu thảo của con đối với cha mẹ. Hãy chia sẻ kết quả hoạt động của nhóm em với các bạn trong lớp.

Bài 6: Một số chế định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số chế định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp liên quan đến sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.*
- *Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.*
- *Điều chỉnh được hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.*
- *Tích cực, chủ động vận động người khác điều chỉnh hành vi pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỞ ĐẦU

Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ là vấn đề có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Quyền sở hữu trí tuệ và quyền chuyển giao công nghệ được pháp luật thừa nhận và bảo vệ về tài sản và nhân thân.

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Sau khi hoàn thành kịch bản phim X, ông T đã kí hợp đồng cho phép Công ty điện ảnh K sản xuất bộ phim cùng tên và bán cho các rạp chiếu phim trong thành phố trình chiếu bộ phim đó.

Em hãy cho biết quyền nhân thân và quyền tài sản của ông T đối với kịch bản phim X.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về sở hữu trí tuệ

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022, 2025)

Điều 18. Quyền tác giả

Quyền tác giả đối với tác phẩm quy định tại Luật này bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

Điều 19. Quyền nhân thân

Quyền nhân thân bao gồm:

1. Đặt tên cho tác phẩm.

Tác giả có quyền chuyển quyền sử dụng quyền đặt tên tác phẩm cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao quyền tài sản quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này;

2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kì hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Điều 20. Quyền tài sản (trích)

1. Quyền tài sản bao gồm:

a) Làm tác phẩm phái sinh;

b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kì phương tiện kĩ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm;

c) Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm...;

đ) Phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kì phương tiện kĩ thuật nào khác...;

e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính,...

2. [...] Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều 19 của Luật này phải được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả và trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác (nếu có) cho chủ sở hữu quyền tác giả,...

Điều 87. Quyền đăng kí nhãn hiệu (trích)

1. Tổ chức, cá nhân có quyền đăng kí nhãn hiệu dùng cho hàng hoá do mình sản xuất hoặc dịch vụ do mình cung cấp.

Điều 122. Tác giả và quyền của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí (trích)

2. Quyền nhân thân của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí gồm các quyền sau đây:

a) Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng kí thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn;

b) Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.

3. Quyền tài sản của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 135 của Luật này.

Điều 185. Quyền tác giả giống cây trồng

Tác giả giống cây trồng có các quyền sau đây:

1. Được ghi tên với danh nghĩa là tác giả trong Bằng bảo hộ giống cây trồng, Sổ đăng kí quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ và trong các tài liệu công bố về giống cây trồng;

2. Nhận thù lao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 191 của Luật này.

❷ Nghị định số 131/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 – 10 – 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan

Điều 18. Hành vi xâm phạm quyền sao chép tác phẩm (trích)

1. Phạt tiền từ 15 000 000 đồng đến 35 000 000 đồng đối với hành vi sao chép tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

❸ Nghị định số 99/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP)

Điều 11. Xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lí, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp (trích)

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500 000 đồng đến 2 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vì mục đích kinh doanh trong trường hợp giá trị hàng hoá, dịch vụ vi phạm đến 3 000 000 đồng:

a) Buôn bán; chào hàng; vận chuyển, kể cả quá cảnh; tàng trữ; trưng bày để bán hàng hoá, dịch vụ xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lí, kiểu dáng công nghiệp;

b) Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản này.

❹ Nhạc sĩ Q đã sáng tác nhiều bài hát, được nhiều ca sĩ biểu diễn tại các sân khấu ca nhạc và trên sóng phát thanh, truyền hình.

❺ Anh K là kĩ sư chế tạo máy. Là người yêu nghề và có tài năng trong lĩnh vực chế tạo máy nên anh đã sáng chế ra loại máy gặt đập liên hoàn giúp bà con nông dân giảm bớt sự nặng nhọc và đạt được năng suất cao trong mùa thu hoạch lúa. Anh đã nộp đơn đăng kí sáng chế tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cấp bằng bảo hộ sáng chế đối với loại máy gặt đập này.

❻ Ông C là kĩ sư nông nghiệp. Trải qua nhiều năm kiên trì nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm của các nước khác, ông và các cộng sự của mình đã tạo ra nhiều giống lúa thơm ngon nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới. Ông đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng.

❼ Cửa hàng phô tô K đã phô tô giáo trình của Trường Đại học B và đóng thành quyển bán cho sinh viên mà không xin phép nhà trường.

❽ Bà E là chủ một cửa hàng giày và một xưởng đóng giày khá nổi tiếng. Sau một thời gian kinh doanh, bà phát hiện ra xưởng đóng giày X đã làm giả mẫu mã giày của bà đã được cơ quan nhà nước cấp bằng bảo hộ.

1/ Em hãy chỉ ra quyền nhân thân và quyền tài sản của các tác giả ở các trường hợp 4, 5, 6.

2/ Việc phô tô giáo trình mà không xin phép Trường Đại học B của cửa hàng phô tô K sẽ phải chịu hậu quả gì? Vì sao?

3/ Việc làm nhái mẫu mã giày của xưởng đóng giày X sẽ phải chịu hậu quả gì? Vì sao?

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Quyền tác giả đối với tác phẩm, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

2. Một số quy định cơ bản của pháp luật về chuyển giao công nghệ

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017

Điều 4. Đối tượng công nghệ được chuyển giao (trích)

1. Công nghệ được chuyển giao là một hoặc các đối tượng sau đây:

a) Bí quyết kĩ thuật, bí quyết công nghệ;

b) Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kĩ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu;

c) Giải pháp hợp lí hoá sản xuất, đổi mới công nghệ;

d) Máy móc, thiết bị đi kèm một trong các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của bên giao công nghệ (trích)

1. Bên giao công nghệ có quyền sau đây:

a) Yêu cầu bên nhận công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng;

b) Được thanh toán đầy đủ và hưởng quyền, lợi ích khác theo thoả thuận trong hợp đồng;

c) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao...

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận công nghệ (trích)

1. Bên nhận công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên giao công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng;

b) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, kí kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thoả thuận;

❷ Nghị định số 51/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 – 6 – 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ

Điều 12. Vi phạm quy định về chuyển giao, chuyển nhượng, cung cấp thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ (trích)

1. Phạt tiền từ 8 000 000 đồng đến 12 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chuyển giao kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khi chưa được chủ sở hữu kết quả đó đồng ý;

b) Cung cấp nhằm mục đích vụ lợi các thông tin, tư liệu có được từ dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm, tư vấn, giám định khi chưa được chủ sở hữu các thông tin, tư liệu đó đồng ý;...

❸ Hãng xe hơi M của nước ngoài chuyển giao công nghệ sản xuất ô tô cho Công ty T để mở rộng thị trường tại Việt Nam. Với việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kĩ thuật từ hãng M, Công ty T được phép sản xuất và lắp ráp những chiếc ô tô hoàn chỉnh theo công nghệ của hãng M, sau đó bán cho người tiêu dùng.

❹ Anh T là chuyên viên tư vấn của Hãng xe máy Y đã cung cấp công nghệ sản xuất xe máy của hãng này cho Hãng xe máy A để lấy tiền, mặc dù không được Hãng xe máy Y cho phép.

?

1/ Trong trường hợp 3, chủ thể nào là bên có quyền chuyển giao công nghệ? Chủ thể nào là bên nhận công nghệ? Đối tượng công nghệ được chuyển giao trong trường hợp này là gì?

2/ Em hãy chỉ ra quyền nhân thân và quyền tài sản của Hãng xe hơi M.

3/ Khi cung cấp công nghệ sản xuất xe máy của Hãng xe máy Y cho Hãng xe máy A mà không được phép, anh T sẽ phải chịu hậu quả gì? Vì sao?

Chuyển giao công nghệ là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

Chủ sở hữu công nghệ có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

b. Tác giả sáng chế được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế và được nhận thù lao.

c. Chuyển giao công nghệ là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

d. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác mà không cần có sự đồng ý của chủ sở hữu công nghệ.

2. Theo em, hành vi của chủ thể trong các tình huống sau là thực hiện đúng hay vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ? Vì sao?

a. Công ty S may đo và đưa ra bán trên thị trường hàng loạt áo đông xuân theo kiểu dáng của Công ty X mặc dù chưa được Công ty X chuyển giao công nghệ.

b. Sau khi nghiên cứu ra giống cà chua mới đạt năng suất cao, Trung tâm nghiên cứu V đã chuyển giao kĩ thuật trồng và chăm sóc giống cà chua này cho nhiều bà con nông dân ở tỉnh H.

c. Nhạc sĩ Y đã dịch lời một bài hát của nước ngoài ra tiếng Việt, sau đó giới thiệu trước công chúng rằng cả nhạc và lời của bài hát đều do mình sáng tác.

d. Gia đình ông S đã mở cửa hàng bán phở sau khi nhận được bí quyết chế biến phở do ông chủ cửa hàng phở nổi tiếng ở địa phương chuyển giao.

3. Em hãy đọc các trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

a. Ông Q là một nhà văn nổi tiếng, chuyên viết truyện cho thiếu nhi. Một hôm, ông Q vô tình đọc được một tác phẩm của người khác xuất bản sau tác phẩm của ông một thời gian, có tên khác với tác phẩm của ông, nhưng nội dung bên trong thì đến hơn 50% giống với tác phẩm của ông.

1/ Theo em, trong trường hợp này, quyền tác giả của ông Q bị xâm phạm như thế nào?

2/ Em hãy tư vấn giúp ông Q cách thức để bảo vệ quyền lợi của mình.

b. Là chủ một trang trại hoa hồng lớn và cũng là người say mê nghiên cứu, chị H đã lai tạo ra một giống hoa hồng mới. Tuy nhiên, chị H luôn lo ngại quyền đối với giống hoa hồng mới có thể bị xâm phạm bởi người khác.

Em hãy tư vấn cho chị H cách thức để có thể bảo vệ được quyền của mình đối với giống hoa hồng do chị lai tạo được.

c. Anh M là một ca sĩ đã thành danh, khi biết nhạc sĩ C mới sáng tác được một bài hát mới, anh rất muốn được biểu diễn bài hát này trước công chúng.

Em hãy tư vấn cho anh M cách thức để thực hiện được mong muốn của mình.

VẬN DỤNG

Em hãy viết bài kể lại một câu chuyện liên quan đến việc thực hiện pháp luật hoặc vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc chuyển giao công nghệ và rút ra bài học cho bản thân.

Chuyên đề 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

Bài 7: Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động.*
- *Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp; nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động.*
- *Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động.*

MỞ ĐẦU

Pháp luật lao động là lĩnh vực pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực lao động, gồm quan hệ lao động, tức là quan hệ phát sinh giữa người lao động với người sử dụng lao động và quan hệ xã hội liên quan trực tiếp với quan hệ lao động.

Giả sử em được tuyển dụng làm nhân viên bán hàng ở một cửa hàng tạp hoá trong thời gian rảnh rỗi với mức lương 30 000 đồng/giờ.

Trong trường hợp trên, quan hệ giữa em và cửa hàng tạp hoá có phải là quan hệ lao động không? Vì sao?

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm pháp luật lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ luật Lao động quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lí nhà nước về lao động.

2. Anh B (25 tuổi) kí kết hợp đồng lao động với Công ty K, mức lương khởi điểm là 5 triệu đồng/ tháng và anh phải thực hiện đầy đủ các quy định của công ty.

Khi làm việc ở công ty, với mong muốn có thể nhận được sự hỗ trợ tích cực trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình tại công ty, anh B xin gia nhập tổ chức Công đoàn cơ sở, là tổ chức đại diện của người lao động tại công ty.

3. Chị H đến Cửa hàng may đo X đặt may một bộ áo dài với giá 800 000 đồng, thời gian may là 10 ngày. Sau 10 ngày, chị đến cửa hàng lấy quần áo và trả tiền cho người may.

4. Chị A là công nhân may của Công ty T. Trong một ca làm việc, do mệt mỏi và sơ ý nên chị đã cắt may hỏng 20 chiếc áo của công ty.

?

1/ Giữa anh B và Công ty K phát sinh loại quan hệ xã hội nào?

2/ Giữa chị H và Cửa hàng may đo X phát sinh loại quan hệ xã hội nào?

3/ Quan hệ giữa anh B với Công ty K và giữa chị H với Cửa hàng X khác nhau ở điểm nào?

4/ Mối quan hệ giữa tổ chức Công đoàn mà anh B gia nhập và Công ty K là loại quan hệ gì?

5/ Chị A có phải bồi thường thiệt hại cho Công ty T không? Vì sao?

Pháp luật lao động là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực lao động, gồm quan hệ lao động và quan hệ xã hội liên quan trực tiếp với quan hệ lao động.

Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động bao gồm hai loại: quan hệ lao động cá nhân và quan hệ lao động tập thể. Quan hệ lao động cá nhân là quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động. Quan hệ lao động tập thể là quan hệ giữa đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc với đại diện người sử dụng lao động.

Ngoài ra, pháp luật lao động còn điều chỉnh một số loại quan hệ xã hội khác có liên quan trực tiếp với quan hệ lao động, đó là những quan hệ phát sinh trên cơ sở quan hệ lao động và có liên quan chặt chẽ với quan hệ lao động, bao gồm: quan hệ bồi thường thiệt hại trong quá trình lao động, quan hệ bảo hiểm trong lĩnh vực lao động, quan hệ giải quyết tranh chấp lao động, quan hệ giải quyết đình công và quan hệ quản lí nhà nước về lao động.

2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động

a) Nguyên tắc tự do việc làm và tuyển dụng lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 35.

1. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.

2. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu.

❷ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người lao động (trích)

1. Người lao động có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động (trích)

1. Người sử dụng lao động có các quyền sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lí, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lí vi phạm kỉ luật lao động;

❸ Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17 – 1 – 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Điều 8. Vi phạm về tuyển dụng, quản lí lao động (trích)

1. Phạt tiền từ 1 000 000 đồng đến 3 000 000 đồng đối với người sử dụng lao động khi có một trong các hành vi sau đây:

b) Thu tiền của người lao động tham gia tuyển dụng lao động;

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc người sử dụng lao động trả lại cho người lao động khoản tiền đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

❹ C là sinh viên của một trường đại học. Ngoài giờ học ở trường, C nhận làm gia sư.

❺ Do nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nên Doanh nghiệp sản xuất giày da xuất khẩu P đã gửi thông báo tuyển dụng đến tất cả các địa phương trên toàn quốc để tuyển dụng thêm lao động.

❻ Siêu thị E thông báo tuyển dụng nhân viên bán hàng. Trong thông báo tuyển dụng của Siêu thị ghi rõ: người tham gia dự tuyển phải nộp 1 000 000 đồng phí dự tuyển.

1/ Các thông tin, trường hợp trên thể hiện sự tự do việc làm và tuyển dụng lao động như thế nào?

2/ Ở trường hợp 6, việc quy định thu tiền phí dự tuyển trong thông báo tuyển dụng của Siêu thị E có vi phạm pháp luật lao động không? Siêu thị E có thể phải chịu hậu quả gì vì quy định này? Vì sao?

3/ Em hiểu thế nào là nguyên tắc tự do việc làm và tuyển dụng lao động? Nêu ví dụ minh hoạ.

b) Nguyên tắc bảo vệ người lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1. Luật Việc làm năm 2013

Điều 4. Nguyên tắc về việc làm

1. Bảo đảm quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nơi làm việc.

2. Bình đẳng về cơ hội việc làm và thu nhập.

3. Bảo đảm làm việc trong điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người lao động (trích)

1. Người lao động có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kĩ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lí theo nội quy của người sử dụng lao động;

3. Chị M là người lao động của Doanh nghiệp Y, sau khi nghỉ sinh con theo đúng quy định của pháp luật, thấy sức khoẻ của hai mẹ con chưa phù hợp với việc đi làm lại nên chị làm đơn xin phép doanh nghiệp cho nghỉ không hưởng lương trong ba tháng tiếp theo và được doanh nghiệp chấp thuận.

Theo em, vì sao pháp luật phải quy định quyền của người lao động? Việc chị M làm đơn xin phép Doanh nghiệp Y cho nghỉ không hưởng lương trong ba tháng tiếp theo và được doanh nghiệp chấp thuận có phù hợp với nguyên tắc bảo vệ người lao động không? Vì sao?

c) *Nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động*

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019:

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lao động (trích)

2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, quản lí lao động đúng pháp luật, dân chủ, công bằng, văn minh và nâng cao trách nhiệm xã hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động (trích)

1. Người sử dụng lao động có các quyền sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lí, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lí vi phạm kỉ luật lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

Điều 125. Áp dụng hình thức xử lí kỉ luật sa thải (trích)

Hình thức xử lí kỉ luật sa thải được người sử dụng lao động áp dụng trong trường hợp sau đây:

1. Người lao động có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma tuý tại nơi làm việc;

2. Người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe doạ gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động hoặc quấy rối tình dục tại nơi làm việc được quy định trong nội quy lao động;

❷ Anh H là lái xe của Công ty vận tải B. Trong một lần đi công tác, do chạy quá tốc độ cho phép nên anh đã bị Cảnh sát giao thông xử phạt vi phạm hành chính. Khi xử lí vụ vi phạm hành chính, Cảnh sát giao thông phát hiện ra anh H đã sử dụng ma tuý trong khi lái xe. Sau vụ việc này, Công ty B đã sa thải anh H.

❸ Anh N là công nhân xây dựng của Công ty M. Do công ty không trang bị đủ đồ bảo hộ cần thiết cho công nhân nên trong một ca làm việc anh N đã bị ngã từ trên giàn giáo xuống và bị thương nặng.

?

1/ Theo em, vì sao pháp luật quy định người lao động khi gây ra thiệt hại về tài sản cho người sử dụng lao động thì phải bồi thường?

2/ Việc Công ty B sa thải anh H nhằm mục đích gì?

3/ Theo em, việc không trang bị đủ đồ bảo hộ cần thiết cho công nhân của Công ty M đã vi phạm nguyên tắc nào của pháp luật lao động? Công ty M có phải bồi thường thiệt hại cho anh N không? Vì sao?

Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động gồm: tự do việc làm và tuyển dụng lao động; bảo vệ người lao động; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động.

Người lao động có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc; được bảo vệ thu nhập hợp pháp, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo vệ an toàn cho tính mạng và sức khoẻ, bảo đảm quyền được nghỉ ngơi hợp lí; được tôn trọng và bảo vệ danh dự, nhân phẩm,...

Người sử dụng lao động có quyền tuyển dụng lao động theo nhu cầu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm; được sa thải người lao động vi phạm pháp luật; được bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Người sử dụng lao động thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật lao động là có thể bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động.

b. Việc tìm kiếm và bảo vệ việc làm cho người lao động hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng của người lao động.

c. Pháp luật lao động Việt Nam hướng tới việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

2. Theo em, hành vi/ việc làm của các chủ thể trong những tình huống dưới đây là tuân thủ hay vi phạm nguyên tắc của pháp luật lao động? Vì sao?

a. Công ty Q nợ lương hàng trăm công nhân vệ sinh môi trường 4 tháng mặc dù các công nhân này đã nhiều lần cử đại diện và có đơn đề nghị công ty thanh toán nhưng đều không được đáp ứng. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh đã giao cho các cơ quan chức năng xử lí, buộc Công ty Q phải nhanh chóng thanh toán đầy đủ số tiền lương còn nợ cho công nhân.

b. Công ty X đã kí với ông V một hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Sau khi làm việc được 4 năm thì ông V nhận được một văn bản của Công ty X thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông mà không nêu rõ lí do. Không đồng ý với quyết định trên, ông V nhiều lần khiếu nại yêu cầu công ty giải thích nhưng không nhận được phản hồi nên ông quyết định khởi kiện công ty ra Toà án yêu cầu bồi thường thiệt hại. Toà án có thẩm quyền đã xét xử vụ kiện và tuyên án: Do công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên phải bồi thường thiệt hại cho ông V 1,5 tỉ đồng.

c. Chị H (là lao động của Doanh nghiệp N) đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định phạt 700 000 đồng do không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp trong quá trình lao động.

3. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. Chị Y đã kí hợp đồng lao động với Doanh nghiệp tư nhân S. Theo hợp đồng này, mức lương chị Y được hưởng vừa bằng mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định ở thời điểm hợp đồng được kí kết. Sau khi chị làm việc được 1 năm thì Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu cho người lao động cao hơn mức lương chị Y đang được nhận nhưng doanh nghiệp lại không điều chỉnh lương cho chị.

1/ Theo em, việc không điều chỉnh lương cho chị Y của Doanh nghiệp tư nhân S có vi phạm nguyên tắc bảo vệ người lao động không? Vì sao?

2/ Em hãy tư vấn cho chị Y cách thức để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình tại doanh nghiệp.

b. Chị K là người lao động của Công ty C. Do thực hiện không đúng quy định pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động nên chị K đã bị thương trong khi làm việc và làm hỏng thiết bị của công ty. Xác định lỗi trong vụ việc này thuộc về chị K nên công ty đã ra quyết định yêu cầu chị phải bồi thường thiệt hại. Chị K không đồng ý với quyết định này và còn yêu cầu công ty phải bồi thường cho thương tật của chị.

1/ Theo em, việc chị K thực hiện không đúng quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động và làm hỏng thiết bị của Công ty C có vi phạm nguyên tắc bảo vệ người sử dụng lao động không? Vì sao?

2/ Em hãy tư vấn cho Giám đốc Công ty C cách xử lí đối với yêu cầu của chị K.

VẬN DỤNG

Em hãy cùng các bạn trong nhóm sưu tầm một câu chuyện liên quan đến việc bảo vệ người lao động hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động và chia sẻ với cả lớp.

Bài 8: Một số quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được quy định của pháp luật lao động về: hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội.*
- *Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp liên quan tới hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội; nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội.*
- *Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội.*

MỞ ĐẦU

Quy định về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng và bảo hiểm xã hội là không thể thiếu trong pháp luật lao động, vì đó là căn cứ pháp lí làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quan hệ pháp luật giữa các chủ thể cụ thể trong lĩnh vực lao động.

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Chị T làm nghề thợ may tại nhà. Sau khi có một doanh nghiệp may mặc xuất khẩu ở gần nhà đi vào hoạt động, chị nộp hồ sơ đăng kí tuyển dụng làm thợ may trong doanh nghiệp đó và đã trúng tuyển. Chị và Giám đốc doanh nghiệp đã thoả thuận kí kết hợp đồng lao động, trong đó quy định rõ mức lương mà chị được hưởng, công việc mà chị phải đảm nhiệm và một số quyền, nghĩa vụ khác của hai bên.

Em hãy cho biết những nội dung mà theo em là cần phải có trong hợp đồng lao động nói trên.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về hợp đồng lao động

a) Khái niệm hợp đồng lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 13. Hợp đồng lao động (trích)

1. Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

❷ Chị M (25 tuổi) giao kết hợp đồng với Công ty S trong đó có một số điều khoản sau: công việc phải làm: may quần áo xuất khẩu; mức lương: 8 000 000 đồng/tháng; thời hạn hợp đồng: 12 tháng; địa điểm làm việc: Công ty S; chị M phải hoàn thành công việc đã cam kết trong hợp đồng theo sự phân công, điều hành của người quản lí trực tiếp được giao quyền; Công ty S phải bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng; thanh toán đầy đủ, đúng hạn các chế độ và quyền lợi của chị M.

Theo em, hợp đồng do chị M kí kết với Công ty S có phải là hợp đồng lao động không? Vì sao?

b) Hình thức của hợp đồng lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 14. Hình thức hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 2 bản, người lao động giữ 1 bản, người sử dụng lao động giữ 1 bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Hợp đồng lao động được giao kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản.

2. Hai bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 1 tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 145 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật này.

Điều 162. Hợp đồng lao động đối với lao động là người giúp việc gia đình (trích)

1. Người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với lao động là người giúp việc gia đình.

❷ Chị H mời bà C (50 tuổi) là họ hàng xa ở quê ra làm giúp việc cho gia đình với mức lương 6 000 000 đồng/tháng nhưng hai bên chỉ thoả thuận về mức lương, quyền và nghĩa vụ khác của mỗi bên bằng lời nói mà không bằng văn bản.

❸ Ông P là chủ xưởng sản xuất thủ công, nhận Q (17 tuổi) làm thợ phụ trong 10 ngày với tiền công là 2 000 000 đồng nhưng chỉ thoả thuận về công việc và tiền công với nhau bằng lời nói mà không bằng văn bản.

?

1/ Theo em, thoả thuận làm giúp việc giữa chị H và bà C có phải là hợp đồng lao động hợp pháp không? Chị H có thể phải chịu hậu quả gì về hành vi này? Vì sao?

2/ Thoả thuận về công việc giữa ông P và Q có phải là hợp đồng lao động không? Vì sao?

c) Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 15. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động

1. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.

2. Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thoả ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.

② Khi đọc được thông báo tuyển dụng lao động của Doanh nghiệp X, thấy mình có đủ điều kiện dự tuyển nên anh P đã nộp hồ sơ xin việc tại doanh nghiệp. Sau khi nhận được Giấy báo trúng tuyển, anh đã trực tiếp đến thoả thuận và giao kết hợp đồng lao động với doanh nghiệp.

Theo em, việc giao kết hợp đồng lao động trong trường hợp trên có phù hợp với nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng của pháp luật không? Vì sao?

d) Chủ thể tham gia kí kết hợp đồng lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

① Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 18. Thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động (trích)

1. Người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với công việc theo mùa vụ, công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng thì nhóm người lao động từ đủ 18 tuổi trở lên có thể uỷ quyền cho một người lao động trong nhóm để giao kết hợp đồng lao động; trong trường hợp này, hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và có hiệu lực như giao kết với từng người lao động.

Hợp đồng lao động do người được uỷ quyền kí kết phải kèm theo danh sách ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú và chữ kí của từng người lao động.

3. Người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động là người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được uỷ quyền theo quy định của pháp luật;

b) Cá nhân trực tiếp sử dụng lao động.

4. Người giao kết hợp đồng lao động bên phía người lao động là người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người lao động từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của người đó;

c) Người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó;

d) Người lao động được những người lao động trong nhóm uỷ quyền hợp pháp giao kết hợp đồng lao động.

Điều 145. Sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc (trích)

1. Khi sử dụng người chưa đủ 15 tuổi làm việc, người sử dụng lao động phải tuân theo quy định sau đây:

a) Phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó;

2. Người sử dụng lao động chỉ được tuyển dụng và sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi vào làm các công việc nhẹ theo quy định tại khoản 3 Điều 143 của Bộ luật này.

3. Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

❷ Chị N là chủ xưởng may đã nhận M (14 tuổi) làm phụ việc với mức lương 2 000 000 đồng/tháng, nuôi ăn và cho ở ngay tại xưởng, hai bên giao kết hợp đồng lao động với nhau bằng văn bản.

?

Theo em, hợp đồng làm phụ việc giữa chị N và M có phù hợp với quy định của pháp luật về chủ thể tham gia kí kết hợp đồng lao động không? Vì sao?

e) Nội dung của hợp đồng lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 21. Nội dung hợp đồng lao động (trích)

1. Hợp đồng lao động phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ của người sử dụng lao động và họ tên, chức danh của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động;

b) Họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, số thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người giao kết hợp đồng lao động bên phía người lao động;

c) Công việc và địa điểm làm việc;

d) Thời hạn của hợp đồng lao động;

đ) Mức lương theo công việc hoặc chức danh, hình thức trả lương, thời hạn trả lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác;

e) Chế độ nâng bậc, nâng lương;

g) Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;

h) Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động;

i) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp;

k) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kĩ năng nghề.

❷ Anh T (22 tuổi) kí hợp đồng lao động với một người chủ thầu xây dựng. Trong hợp đồng này có ghi mức lương của anh là 5 000 000 đồng/tháng nhưng không có các điều khoản quy định về kì hạn, hình thức trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Theo em, nội dung hợp đồng lao động giữa anh T với chủ thầu xây dựng có phù hợp với quy định của pháp luật không? Vì sao?

g) Chấm dứt hợp đồng lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 34. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động (trích)

1. Hết hạn hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật này.

2. Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

3. Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

8. Người lao động bị xử lí kỉ luật sa thải.

9. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật này.

10. Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật này.

11. Người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc theo quy định tại Điều 42 và Điều 43 của Bộ luật này.

Điều 35. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động

1. Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động như sau:

a) Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

b) Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;

c) Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng;

d) Đối với một số ngành, nghề, công việc đặc thù thì thời hạn báo trước được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước trong trường hợp sau đây:

a) Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc theo thoả thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này;

b) Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 97 của Bộ luật này;

c) Bị người sử dụng lao động ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;

d) Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

đ) Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật này;

e) Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật này, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;

g) Người sử dụng lao động cung cấp thông tin không trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Bộ luật này làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng lao động.

Điều 36. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động

1. Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp sau đây:

a) Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc do người sử dụng lao động ban hành nhưng phải tham khảo ý kiến tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;

b) Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc đã điều trị 6 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc quá nửa thời hạn hợp đồng lao động đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục.

Khi sức khoẻ của người lao động bình phục thì người sử dụng lao động xem xét để tiếp tục giao kết hợp đồng lao động với người lao động;

c) Do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch hoạ hoặc di dời, thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc;

d) Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn quy định tại Điều 31 của Bộ luật này;

đ) Người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật này, trừ trường hợp có thoả thuận khác;

e) Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lí do chính đáng từ 5 ngày làm việc liên tục trở lên;

g) Người lao động cung cấp không trung thực thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật này khi giao kết hợp đồng lao động làm ảnh hưởng đến việc tuyển dụng người lao động.

2. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 1 Điều này, người sử dụng lao động phải báo trước cho người lao động như sau:

a) Ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

b) Ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;

c) Ít nhất 3 ngày làm việc đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng và đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Đối với một số ngành, nghề, công việc đặc thù thì thời hạn báo trước được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này thì người sử dụng lao động không phải báo trước cho người lao động.

Điều 37. Trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

1. Người lao động ốm đau hoặc bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp đang điều trị, điều dưỡng theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 của Bộ luật này.

2. Người lao động đang nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng và trường hợp nghỉ khác được người sử dụng lao động đồng ý.

3. Người lao động nữ mang thai; người lao động đang nghỉ thai sản hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

❷ Ông A (Giám đốc một doanh nghiệp tư nhân) đã kí kết hợp đồng lao động với những người lao động của doanh nghiệp trong đó quy định rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, mức lương của người lao động và thời hạn của hợp đồng. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên ông A đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn với một số người lao động trong doanh nghiệp mà không thông báo trước và không bồi thường thiệt hại cho họ theo quy định của pháp luật lao động. Vì thế, ông A đã bị những người này kiện ra Toà án.

❸ Bà M kí hợp đồng lao động với Công ty K loại không xác định thời hạn. Sau khi làm việc được 5 năm thì bà đủ tuổi nghỉ hưu.

?

1/ Theo em, vì sao ông A bị một số người lao động kiện ra Toà án?

2/ Khi đủ tuổi nghỉ hưu, bà M có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty K mà không báo trước không? Vì sao?

Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản, song cũng có thể bằng lời nói trong trường hợp do luật định.

Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.

Chủ thể tham gia kí kết hợp đồng lao động gồm người sử dụng lao động và người lao động có đủ điều kiện cụ thể theo quy định của pháp luật.

Nội dung hợp đồng lao động phải có đủ những thông tin cơ bản về người sử dụng lao động, người lao động, quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên tham gia kí kết hợp đồng.

Hợp đồng lao động chấm dứt trong những trường hợp do pháp luật quy định.

2. Một số quy định cơ bản của pháp luật về tiền lương và thưởng

a) Quy định về tiền lương

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 90. Tiền lương (trích)

1. Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thoả thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

Điều 94. Nguyên tắc trả lương

1. Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động uỷ quyền hợp pháp.

2. Người sử dụng lao động không được hạn chế hoặc can thiệp vào quyền tự quyết chi tiêu lương của người lao động; không được ép buộc người lao động chi tiêu lương vào việc mua hàng hoá, sử dụng dịch vụ của người sử dụng lao động hoặc của đơn vị khác mà người sử dụng lao động chỉ định.

2. Ông P kí hợp đồng làm nhân viên bảo vệ cho Công ty M. Trong hợp đồng có ghi: mức lương: 7 000 000 đồng/tháng; phụ cấp: theo quy định của Công ty.

3. Anh A là nhân viên bán hàng của Siêu thị B với mức lương 6 000 000 đồng/tháng. Tuy nhiên, siêu thị này chỉ trả cho anh 90% mức lương bằng tiền mặt, còn lại 10% thì trả bằng một số loại hàng của siêu thị mà không thoả thuận trước với anh.

?

1/ Đối với trường hợp 2, tiền lương của ông P là 7 000 000 đồng/tháng là đúng hay sai? Vì sao?

2/ Đối với trường hợp 3, cách thức trả lương cho người lao động của Siêu thị B có phù hợp với nguyên tắc trả lương do pháp luật lao động quy định không? Vì sao?

b) Quy định về thưởng

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1. Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 104. Thưởng

1. Thưởng là số tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

2. Quy chế thưởng do người sử dụng lao động quyết định và công bố công khai tại nơi làm việc sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

2. Nhân dịp tết Nguyên đán, Doanh nghiệp C đã thưởng cho người lao động của doanh nghiệp mỗi người một tháng lương cơ bản, 10 kg gạo tẻ, 5 kg gạo nếp và một bộ quần áo.

?

Theo em, hình thức thưởng mà Doanh nghiệp C áp dụng đối với người lao động của doanh nghiệp có phù hợp với quy định của pháp luật không? Vì sao?

Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thoả thuận để thực hiện công việc.

Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động.

Thưởng là số tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động.

3. Một số quy định cơ bản của pháp luật lao động về bảo hiểm xã hội

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 168. Tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

1. Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; người lao động được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Khuyến khích người sử dụng lao động, người lao động tham gia các hình thức bảo hiểm khác đối với người lao động.

2. Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động không phải trả lương cho người lao động, trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác.

3. Đối với người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả thêm cùng lúc với kì trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

❷ Chị M kí hợp đồng lao động với Công ty N, mức lương 10 000 000 đồng/tháng. Chị M đã làm việc tại Công ty N được 20 năm.

1/ Theo em, theo quy định của pháp luật lao động thì hằng năm Công ty N và chị M phải nộp những loại bảo hiểm nào? Vì sao?

2/ Theo em, trong trường hợp chị M nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì Công ty N có phải nộp bảo hiểm xã hội cho chị M nữa không? Vì sao?

Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Khi kí kết hợp đồng lao động, người lao động và người sử dụng lao động có thể tự do thoả thuận về mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định.

b. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội là những nội dung không bắt buộc phải có trong một hợp đồng lao động cụ thể.

c. Người lao động chỉ có nghĩa vụ mà không có quyền trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

2. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi:

a. Mặc dù còn gặp khó khăn về tài chính trong sản xuất kinh doanh, song Giám đốc Doanh nghiệp P vẫn ra quyết định thanh toán đầy đủ tiền lương hằng tháng cho người lao động trong doanh nghiệp theo đúng các điều khoản của hợp đồng lao động.

Hành vi của Giám đốc Doanh nghiệp P có phải là thực hiện pháp luật lao động không? Vì sao?

b. Giám đốc Công ty K ra quyết định thưởng cho người lao động trong Công ty mỗi người một tháng lương cơ bản và một bộ dụng cụ gia đình khi Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất của năm trước thời hạn.

Hành vi của Giám đốc Công ty K là thực hiện quy định của pháp luật lao động về vấn đề gì? Vì sao?

c. Doanh nghiệp C không đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội mặc dù hằng tháng vẫn thu tiền bảo hiểm xã hội của người lao động trong doanh nghiệp.

Hành vi của Doanh nghiệp C có vi phạm pháp luật lao động không? Vì sao?

3. Em hãy tư vấn cho chị N cách thức để có thể chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty X trong trường hợp sau:

Chị N là người lao động trong Công ty X. Do được bạn giới thiệu cho một việc làm mới với mức lương hấp dẫn hơn so với mức lương nhận được ở Công ty X, chị N muốn chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty X để nhận việc làm mới.

VẬN DỤNG

Em hãy cùng nhóm học tập sưu tầm một hợp đồng lao động cụ thể và cho biết những điều khoản bắt buộc cần phải có. Theo em, nếu thiếu một trong các điều khoản đó thì hợp đồng có hiệu lực không? Vì sao?

Bài 9: Một số quy định của pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định của pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.*
- *Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp liên quan tới tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động.*
- *Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật lao động về tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.*

MỞ ĐẦU

Tranh chấp lao động là hiện tượng dễ xảy ra trong thị trường lao động. Việc giải quyết tranh chấp lao động là cần thiết để bảo vệ trật tự xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Chị H là công nhân của Doanh nghiệp B. Sau khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định của pháp luật, chị đến doanh nghiệp để làm việc thì được biết là doanh nghiệp đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với chị mà không thông báo và thoả thuận với chị. Chị H đã kiện Doanh nghiệp B ra Toà án có thẩm quyền để yêu cầu Toà án bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật lao động.

Theo em, việc chị H kiện Doanh nghiệp B ra Toà án có phải là vụ tranh chấp lao động không? Khi Toà án có thẩm quyền giải quyết vụ việc này có phải là giải quyết tranh chấp lao động không? Vì sao?

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm tranh chấp lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 179. Tranh chấp lao động (trích)

1. Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

❷ Ông P xin vào làm việc (với nhiệm vụ bảo vệ) tại Công ty S do ông N làm Giám đốc nhưng không kí hợp đồng lao động bằng văn bản vì ông N nói chỉ cần đơn xin việc và hồ sơ thì sẽ đi làm ngay. Mức lương làm việc hằng tháng 4 200 000 đồng/tháng. Thời gian làm việc 15 giờ/ngày. Năm tháng đầu, công ty trả tiền lương cho ông đầy đủ. Ba tháng sau công ty nợ lương của ông. Đến tháng thứ 9 thì ông P làm đơn xin nghỉ việc, có chữ kí xác nhận của ông N, nhưng sau đó thì Công ty S không thanh toán tiền lương những tháng còn nợ cho ông P. Ông đã đến Công ty S liên hệ để đòi lại số tiền lương 3 tháng còn nợ nhưng công ty không trả. Ông P làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền buộc Công ty S trả ông số tiền lương còn nợ.

? *Theo em, vụ tranh chấp giữa ông P và Công ty S có phải là tranh chấp lao động không? Vì sao?*

Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động.

2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 180. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

1. Tôn trọng quyền tự định đoạt thông qua thương lượng của các bên trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

2. Coi trọng giải quyết tranh chấp lao động thông qua hoà giải, trọng tài trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên tranh chấp, tôn trọng lợi ích chung của xã hội, không trái pháp luật.

3. Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.

4. Bảo đảm sự tham gia của đại diện các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

5. Việc giải quyết tranh chấp lao động do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tiến hành sau khi có yêu cầu của bên tranh chấp hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và được các bên tranh chấp đồng ý.

Điều 184. Hoà giải viên lao động

1. Hoà giải viên lao động là người do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm để hoà giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề; hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.

2. Chính phủ quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, chế độ, điều kiện hoạt động và việc quản lí hoà giải viên lao động; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hoà giải viên lao động.

❷ Khi nhận được thông báo mình bị xếp loại C trong danh sách hưởng lương tháng 13 của công ty, chị H không đồng ý với quyết định này nên đã kiến nghị lên Giám đốc công ty nhưng kết quả không thay đổi. Chị nhờ tổ chức Công đoàn cơ sở can thiệp nhưng Giám đốc không thay đổi quyết định nên chị đã nhờ Hoà giải viên lao động hoà giải. Kết quả là Giám đốc đã thay đổi quyết định và chuyển chị sang danh sách những người thuộc loại B.

?

Theo em, việc giải quyết tranh chấp giữa chị H với công ty có đảm bảo đúng nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động không? Vì sao?

3. Quyền và nghĩa vụ của hai bên trong giải quyết tranh chấp lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 182. Quyền và nghĩa vụ của hai bên trong giải quyết tranh chấp lao động

1. Trong giải quyết tranh chấp lao động, các bên có quyền sau đây:

a) Trực tiếp hoặc thông qua đại diện để tham gia vào quá trình giải quyết;

b) Rút yêu cầu hoặc thay đổi nội dung yêu cầu;

c) Yêu cầu thay đổi người tiến hành giải quyết tranh chấp lao động nếu có lí do cho rằng người đó có thể không vô tư hoặc không khách quan.

2. Trong giải quyết tranh chấp lao động, các bên có nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình;

b) Chấp hành thoả thuận đã đạt được, quyết định của Ban trọng tài lao động, bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

❷ Ông C làm việc ở Doanh nghiệp X đã gần 25 năm. Năm 2018, doanh nghiệp này gặp khó khăn trong kinh doanh nên đã cho nhiều người nghỉ việc, trong đó có ông. Tuy nhiên, đến năm 2020 doanh nghiệp vẫn chưa thanh toán tiền lương 3 tháng còn nợ và tiền trợ cấp thôi việc cho ông mặc dù ông đã nhiều lần đến gặp

Giám đốc doanh nghiệp yêu cầu thanh toán tiền nợ. Do vậy, ông C đã gửi đơn khởi kiện ra Toà án có thẩm quyền yêu cầu Doanh nghiệp X phải thanh toán cho ông tất cả các khoản tiền mà ông được hưởng theo quy định của pháp luật lao động.

Theo em, khi Toà án giải quyết vụ tranh chấp này, ông C có quyền và nghĩa vụ gì? Doanh nghiệp X có quyền và nghĩa vụ gì?

Giải quyết tranh chấp lao động phải tuân theo các nguyên tắc do pháp luật quy định. Trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động, hai bên tranh chấp đều có các quyền như: trực tiếp hoặc thông qua đại diện để tham gia vào quá trình giải quyết; rút yêu cầu hoặc thay đổi nội dung yêu cầu,... và đều có các nghĩa vụ như: cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình; chấp hành thoả thuận đã đạt được, quyết định của Ban trọng tài lao động, bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Tranh chấp lao động là tranh chấp phát sinh giữa các bên chủ thể tham gia quan hệ lao động và quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

b. Tôn trọng quyền tự định đoạt thông qua thương lượng của các bên trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lao động là một trong các nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động.

c. Trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động, bên có nghĩa vụ luôn là người sử dụng lao động.

2. Hành vi/ việc làm của chủ thể trong các tình huống dưới đây là thực hiện đúng hay vi phạm pháp luật lao động? Vì sao?

a. Do không đồng ý với mức lương, phụ cấp và thời gian lao động theo quy định của doanh nghiệp, hàng ngàn công nhân của Doanh nghiệp K đã đình công để yêu cầu doanh nghiệp tăng lương, tăng phụ cấp, giảm giờ làm cho người lao động. Sau một tuần đình công, hàng ngàn công nhân của Doanh nghiệp K trở lại nhà máy làm việc sau khi doanh nghiệp đồng ý tăng lương cơ bản, phụ cấp thâm niên và đáp ứng một số kiến nghị khác của người lao động.

b. Ông Q là nhân viên bảo vệ của Công ty B. Khi ông đủ tuổi nghỉ hưu thì công ty đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông vì lí do ông đã hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật. Ông Q cho rằng việc Công ty B chấm dứt hợp đồng lao động với ông là trái với pháp luật lao động vì ông chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội, vì thế, ông đã gửi đơn khởi kiện tới cơ quan Toà án có thẩm quyền yêu cầu Công ty B phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế trong thời gian ông không được làm việc vì ông đã đề nghị công ty cho tiếp tục làm việc. Khi giải quyết vụ tranh chấp này, Toà án đã tuyên bố việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty B là đúng pháp luật và công ty không phải trả những khoản tiền mà ông Q yêu cầu.

3. Em hãy đọc các tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi:

a. Chị A là nhân viên của Công ty D, trong hợp đồng lao động giữa chị và công ty có quy định thời hạn nâng lương của chị là 12 tháng. Mấy năm đầu công ty thực hiện đúng quy định, nhưng thời gian gần đây, lấy lí do là sản phẩm của công ty tiêu thụ chậm nên đã 24 tháng mà công ty chưa tăng lương cho chị.

Em hãy tư vấn cho chị A cách thức để bảo vệ quyền lợi của mình tại công ty.

b. Phần lớn người lao động trong Doanh nghiệp C đều bất bình trước tình trạng tiền lương thấp; việc tăng lương, trả lương đều chậm hơn kì hạn đã ghi trong hợp đồng lao động; điều kiện làm việc không đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, chất lượng bữa ăn ca kém.

Em hãy tư vấn cho những người lao động cách thức để giúp họ có thể cải thiện được tình trạng này.

c. Do sơ suất trong quá trình lao động nên anh M đã làm hỏng thiết bị của công ty. Vì thế, Giám đốc công ty đã ra quyết định yêu cầu anh phải bồi thường 30 triệu đồng. Anh rất bất bình trước quyết định này của Giám đốc vì cho rằng mức thiệt hại xảy ra trong thực tế thấp hơn so với mức bồi thường do công ty yêu cầu.

Em hãy tư vấn giúp anh M cách thức để có thể bảo vệ quyền lợi của mình tại công ty.

VẬN DỤNG

Em và các bạn trong nhóm hãy xây dựng hoặc sưu tầm một câu chuyện hoặc vụ việc thực tế liên quan đến tranh chấp lao động, sau đó hãy chia sẻ kết quả hoạt động của nhóm mình với các bạn trong lớp.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang
Bí mật kinh doanh	thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.	44, 54
Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động	trường hợp một bên trong quan hệ lao động muốn chấm dứt quan hệ lao động mà không cần có sự thoả thuận hoặc đồng ý với bên còn lại theo quy định của pháp luật.	52, 67
Giấy tờ có giá	bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kì phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, séc, chứng chỉ quỹ, giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch.	23, 30,...
Kiểu dáng công nghiệp	hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.	44,45
Người sử dụng lao động	doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thoả thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.	49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62,...
Nhãn hiệu	dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.	34, 44, 48
Quyền tài sản	quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác.	23, 37, 44, 45, 46, 47
Sáng chế	giải pháp kĩ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.	44, 45, 47
Tác phẩm	sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kì phương tiện hay hình thức nào.	23, 44, 45 46, 47, 48
Tên thương mại	là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.	44
Tổ chức đại diện người sử dụng lao động	là tổ chức được thành lập trên cơ sở tự nguyện của người lao động tại một đơn vị sử dụng lao động nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động thông qua thương lượng tập thể hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về lao động. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm Công đoàn cơ sở và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.	49, 54

DANH SÁCH TRANH ẢNH SỬ DỤNG

Trang	Số thứ tự ảnh	Nguồn trích dẫn
5	1	www.shutterstock.com
6	1, 2, 3, 4	www.shutterstock.com
10	1, 2, 3	www.shutterstock.com

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: HOÀNG KIM LIÊN – NGUYỄN TẤT THẮNG
Biên tập tái bản: HOÀNG KIM LIÊN
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN THUÝ QUỲNH
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM – HOÀNG KIM LIÊN
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11
Mã số: G1HHYY002h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/171-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-35086-2



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 11, tập một
2. Ngữ văn 11, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
4. Toán 11, tập một
5. Toán 11, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 11
7. Lịch sử 11
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
9. Địa lí 11
10. Chuyên đề học tập Địa lí 11
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
13. Vật lí 11
14. Chuyên đề học tập Vật lí 11
15. Hoá học 11
16. Chuyên đề học tập Hoá học 11
17. Sinh học 11
18. Chuyên đề học tập Sinh học 11
19. Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
21. Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
23. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
26. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 11 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 11 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 11 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 11 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11
38. Âm nhạc 11
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11
41. Giáo dục thể chất 11 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 11 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 11 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 11 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11
46. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35086-2

9 786040 350862

Giá: 10.000 đ